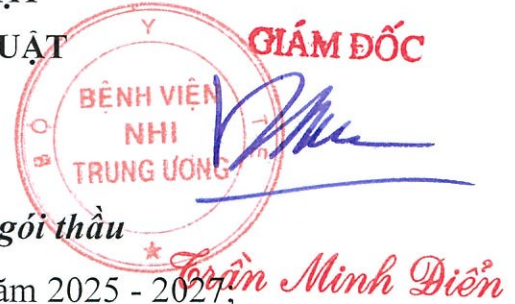


Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT



Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Dự toán: Cung cấp hóa chất, vật tư tiêu hao y tế năm 2025 - 2027;
- Quy mô dự toán mua sắm: 864.385.436.572 đồng (Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi tư tỷ, ba trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng);
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn vốn hợp pháp của Bệnh viện Nhi Trung ương;
- Tên Gói thầu: Gói 18 - Cung cấp hóa chất xét nghiệm thông dụng;
- Giá gói thầu: 36.572.263.800 đồng (Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ, năm trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm đồng);
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng (xét theo từng phần);
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng;
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Nhi Trung ương - Số 18/879 La Thành, phường Láng, thành phố Hà Nội.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung:

a. Yêu cầu về tính hợp lệ của hàng hóa dự thầu (Nhà thầu kê khai, cung cấp tài liệu và cam kết để chứng minh)

- Hàng mới 100%.
- Các tài liệu của hàng hóa chào thầu phải đảm bảo và nêu rõ:
 - + Ký mã hiệu (mã hàng hóa);
 - + Hãng sản xuất;
 - + Hãng chủ sở hữu;
 - + Xuất xứ;
 - + Thông số kỹ thuật của hàng hóa.
- Tiêu chuẩn chất lượng của hãng sản xuất/ cơ sở sản xuất tại nước sản xuất hàng hóa dự thầu:
 - + Đối với hàng hóa không phải thiết bị y tế: Giấy chứng nhận ISO 9001 hoặc tương đương của hãng sản xuất/ cơ sở sản xuất tại nước sản xuất hàng hóa dự thầu.

thư
Suy
chữ

+ Đối với hàng hóa là thiết bị y tế: Giấy chứng nhận ISO 13485 hoặc tương đương của hãng sản xuất/ cơ sở sản xuất tại nước sản xuất hàng hóa dự thầu.

- Đối với hàng hóa dự thầu là thiết bị y tế: Cung cấp đầy đủ bộ hồ sơ chất lượng về hàng hóa bao gồm: Sổ lưu hành của thiết bị y tế hoặc tương đương theo quy định còn hiệu lực.

- Catalô, bản dữ liệu sản phẩm chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa dự thầu so với yêu cầu mời thầu về tiêu chuẩn kỹ thuật.

b. Yêu cầu về tiến độ giao hàng (Nhà thầu thực hiện cam kết)

Hàng hóa được giao theo từng đợt đặt hàng (theo tháng hoặc đợt xuất) từ email hoặc điện thoại của Bệnh viện Nhi Trung ương tới nhà thầu. Nhà thầu phải cung cấp các mặt hàng đã trúng thầu theo số lượng yêu cầu của Bệnh viện chậm nhất trong vòng 05-10 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu đặt hàng (một số mặt hàng đặc biệt thời gian giao hàng có thể theo thỏa thuận của 2 bên). Đối với các trường hợp bất khả kháng nhà thầu phải giải trình bằng văn bản và phải được sự chấp thuận của Bệnh viện.

c. Lịch sử cung cấp hàng hóa (Nhà thầu thực hiện cam kết)

Nhà thầu cam kết trong vòng 03 năm gần nhất so với thời điểm đóng thầu nhà thầu không có hợp đồng nào chậm tiến độ hoặc không giao được hàng hoặc giao hàng không đáp ứng chất lượng theo quy định tại Hợp đồng. Trường hợp, nhà thầu có cam kết nhưng Bệnh viện có tài liệu chứng minh được nhà thầu có hợp đồng chậm tiến độ hoặc không giao được hàng hoặc giao hàng không đáp ứng chất lượng theo quy định tại Hợp đồng thì E-HSDT của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với danh mục dự thầu có lịch sử cung cấp hàng hóa không đáp ứng đó.

d. Yêu cầu về hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tính từ ngày giao hàng

Nhà thầu cam kết hàng hóa khi giao phải đảm bảo tuân thủ quy định về hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tính từ thời điểm giao hàng cụ thể như sau:

Đối với Hóa chất:

- Hạn sử dụng của hàng hóa ≤ 02 tháng: Hạn sử dụng còn lại tối thiểu ≥ 01 tháng;
 - Hạn sử dụng của hàng hóa ≥ 12 tháng: Hạn sử dụng còn lại tối thiểu ≥ 06 tháng;
 - Hạn sử dụng của hàng hóa ≥ 24 tháng: Hạn sử dụng còn lại tối thiểu ≥ 9 tháng;
 - Hạn sử dụng của hàng hóa từ ≥ 36 tháng: Hạn sử dụng còn lại tối thiểu ≥ 12 tháng;
- Trong các trường hợp đặc biệt khác, nhà thầu phải có báo cáo bằng văn bản. Đối với hàng hóa không ghi hạn sử dụng phải được sản xuất từ năm 2025 trở đi.

đ. Yêu cầu về phạm vi cung cấp

- Hàng hóa chào thầu phải đáp ứng yêu cầu về đơn vị tính, khối lượng được nêu tại Cột 5, 6 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đính kèm.

- Đối với hàng hóa mời thầu có đơn vị tính bằng hộp/lo/chai/can/bộ kit/ống/tuýp thì hàng hóa chào thầu phải đảm bảo đáp ứng tối thiểu yêu cầu về quy cách quy định

tại Cột 4 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đính kèm. Trường hợp quy cách của hàng hóa chào thầu khác với quy định tại Cột 4 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu thì quy cách đó phải đảm bảo tương đương hoặc có lợi thế hơn và phù hợp với việc sử dụng của chủ đầu tư.

e. Yêu cầu về hàng mẫu

- Trường hợp nhà thầu dự thầu các danh mục hàng hóa (các phần (lô)) có yêu cầu về hàng mẫu thì trong thời hạn 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp hàng mẫu với số lượng theo yêu cầu tại Cột 8 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đính kèm.

- Việc cung cấp hàng mẫu phục vụ cho quá trình đánh giá kỹ thuật của hàng hóa dự thầu theo yêu cầu về nội dung đánh giá quy định tại Cột 8 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có quyền kiểm định hàng mẫu tại đơn vị/tổ chức kiểm định độc lập để làm căn cứ đánh giá E-HSDT.

- Địa điểm nhận hàng mẫu: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Bệnh viện Nhi Trung ương, tầng hầm nhà A (tòa nhà 15 tầng), số 18/879 La Thành, phường Láng, thành phố Hà Nội.

- Yêu cầu về quy cách đóng gói, thông tin hàng mẫu khi bàn giao: Hàng mẫu được đóng gói riêng theo từng danh mục hàng hóa và ghi rõ các thông tin sau:

- + Tên nhà thầu;
- + Số thứ tự thầu (ghi theo số thứ tự trong E-HSMT);
- + Tên hàng hóa (ghi theo tên hàng hóa tự trong E-HSMT);
- + Mã sản phẩm;
- + Hãng sản xuất;
- + Nước sản xuất.

- Khi đến bàn giao hàng mẫu, nhà thầu mang theo Biên bản bàn giao đã điền đầy đủ thông tin theo mẫu đính kèm sau đây để hai bên tiến hành ký kết biên bản bàn giao theo quy định.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

- Hàng hóa phải đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Cột 3 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đính kèm và có hàng mẫu được đánh giá là đạt theo quy định tại Cột 8 - Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đối với các danh mục có yêu cầu hàng mẫu.

(Nhà thầu cung cấp catalô, tài liệu kỹ thuật khác có liên quan để chứng minh đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Đối với các tiêu chí kỹ thuật chưa được thể hiện trong Catalô, bản dữ liệu sản phẩm, nhà thầu được phép cung cấp tài liệu hoặc bản cam kết của hãng sản xuất phát hành để chứng minh (Trường hợp này, chủ đầu tư sẽ kiểm tra, đối chiếu các tài liệu kỹ thuật khác hoặc bản cam kết của hãng sản xuất đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại thời điểm đối chiếu E-HSDT trong trường hợp nhà thầu được mời đối chiếu

tài liệu). Chủ đầu tư sẽ kiểm tra, đánh giá các tiêu chí kỹ thuật thực hiện bằng cam kết khi nhận hàng hóa. Trường hợp hàng hóa khi nhận không đạt theo yêu cầu tại E-HSMT, nhà thầu phải thu hồi vô điều kiện hàng hóa đó và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm hợp đồng theo quy định).

- Ngoài các biểu mẫu được nêu tại Chương IV Biểu mẫu mời thầu và dự thầu, Nhà thầu phải kê khai thông tin về hàng hóa dự thầu theo **Mẫu số 21** dưới đây và scan đính kèm E-HSDT.

Đồng thời nhà thầu đính kèm file Excel khi nộp E-HSDT. Việc đính kèm file Excel Mẫu số 21 chỉ phục vụ việc nhập dữ liệu được nhanh chóng trong quá trình đánh giá E-HSDT của Chủ đầu tư, không có giá trị đánh giá nhà thầu đạt/không đạt về tiêu chuẩn kỹ thuật trong trường hợp nhà thầu không đính kèm file Excel.

1.3. Các yêu cầu khác:

- Giá mua bán: Trọn gói, đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) được vận chuyển và giao tại Kho vật tư y tế - Bệnh viện Nhi Trung ương, số 18/879 La Thành, phường Láng, thành phố Hà Nội.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Các bên sẽ tiến hành kiểm tra và thử nghiệm nếu trong quá trình sử dụng bên mua nhận thấy hàng hóa không đảm bảo chất lượng như quy định tại E-HSMT.

Trường hợp phải kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa thì sẽ được tiến hành kiểm tra tại các đơn vị có chức năng hoặc tại Bệnh viện Nhi Trung ương. Mọi chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm do nhà thầu chịu trách nhiệm. Thời gian nhà thầu giải quyết các kiến nghị về chất lượng hàng hóa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên mua (không bao gồm thời gian kiểm tra, thử nghiệm).

Bất cứ một hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp về chất lượng, về đặc tính kỹ thuật ..., thì chủ đầu tư có thể từ chối và nhà thầu sẽ phải thay thế các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa bị từ chối hoặc tiến hành những sửa đổi cần thiết một cách miễn phí, đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa không phù hợp, chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu cần thiết. Mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.

Ghi chú:

Đối với các yêu cầu kỹ thuật thực hiện cam kết, nhà thầu có thể tham khảo mẫu cam kết dưới đây khi lập và nộp E-HSDT

Mẫu cam kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng.....năm.....

BẢN CAM KẾT

Nhà thầu *[ghi tên Nhà thầu]* tham dự gói thầu *[ghi tên gói thầu]* của Bệnh viện Nhi Trung ương, đại diện hợp pháp của nhà thầu xin cam kết thực hiện các điều khoản sau:

1. Tất cả các hàng hóa tham dự thầu đều có đủ thông tin về xuất xứ, chứng chỉ chất lượng, hãng, nước sản xuất, giấy phép đăng ký lưu hành tại Việt Nam còn hiệu lực đối với thiết bị y tế. Hàng mới 100%.
2. Giá dự thầu là giá đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) được vận chuyển và giao tại Kho vật tư y tế - Bệnh viện Nhi Trung ương.
3. Cung ứng hàng hóa kịp thời, chính xác, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng tiến độ giao hàng quy định tại điểm b tiểu mục 1.2.1 mục 1.2 Chương V của E-HSMT.
4. Cung ứng hàng hóa đảm bảo đáp ứng yêu cầu về hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tính từ ngày giao hàng quy định tại điểm d tiểu mục 1.2.1 mục 1.2 Chương V của E-HSMT.
5. Cung ứng hàng hóa đúng với các thông số kỹ thuật đã kê khai ở Mẫu số 21 Danh mục hàng hóa dự thầu.
6. Thu hồi vô điều kiện những hàng hóa bị phát hiện có vấn đề về chất lượng trong quá trình sử dụng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.
7. Bồi thường thiệt hại do hàng hóa không đảm bảo chất lượng (nếu có) gây ra cho Chủ đầu tư và/hoặc người bệnh.
8. Cam kết trong vòng 03 năm gần nhất so với thời điểm đóng thầu nhà thầu không có hợp đồng nào chậm tiến độ hoặc không giao được hàng hoặc giao hàng không đáp ứng chất lượng theo quy định tại Hợp đồng. Trường hợp, nhà thầu có cam kết nhưng Bệnh viện có tài liệu chứng minh được nhà thầu có hợp đồng chậm tiến độ hoặc không giao được hàng hoặc giao hàng không đáp ứng chất lượng theo quy định tại Hợp đồng thì E-HSDT của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với danh mục dự thầu có lịch sử cung cấp hàng hóa không đáp ứng đó.
9. Nhà thầu cam kết đáp ứng các yêu cầu quy định tại mục 1.3 Chương V của E-HSMT.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

MẪU BIÊN BẢN BÀN GIAO HÀNG MẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO HÀNG MẪU

Gói thầu:

Thuộc dự toán: Cung cấp hóa chất, vật tư tiêu hao y tế năm 2025 - 2027

Hôm nay, ... tháng năm 2025, tại phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Bệnh viện Nhi Trung ương, Chúng tôi gồm:

BÊN GIAO: CÔNG TY

Đại diện: Chức vụ:

BÊN NHẬN: BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG

Đại diện: Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư – Thiết bị y tế

Hai bên cùng tiến hành bàn giao hàng mẫu để tiến hành đánh giá theo quy định của E-HSMT, cụ thể như sau:

STT	TT thầu	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa mời thầu	Tên thương mại	Kỹ mã hiệu hàng hóa	Số lot, hạn sử dụng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1.										
2.	...									
3.										

Hai Bên xác nhận đã giao, nhận đủ, đúng chủng loại và số lượng hàng mẫu như trên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 21 (Scan và đính kèm)**DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU**

STT hàng hóa dự thầu	STT theo HSMT	Mã phân lô	Tên hàng hóa theo HSMT	Tên thương mại	Mã hàng hóa	Mã HS	Số đăng ký lưu hành	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng	Hạn sử dụng của hàng hóa	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1.																	
2.																	

Tổng số danh mục dự thầu: danh mục

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1): Ghi STT lần lượt theo tổng số danh mục tham dự thầu của nhà thầu;
- (2): Ghi theo STT trong danh mục hàng hóa mời thầu;
- (3): Ghi mã phân lô tương ứng với danh mục chào thầu;
- (4): Ghi tên hàng hóa theo E-HSMT;
- (5): Ghi tên hàng hóa theo tên thương mại của hãng sản xuất;
- (6): Ghi mã hàng hóa của hãng sản xuất;
- (7): Ghi mã HS của hàng hóa (nếu có), trường hợp nhà thầu chưa xác định được mã HS thì để trống;
- (8): Ghi số đăng ký lưu hành/GPNK của hàng hóa;
- (9): Ghi thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu;
- (10): Ghi tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa (ví dụ: ISO 13485/ ISO 9001,...);
- (11): Ghi hạn sử dụng của hàng hóa dự thầu theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (ví dụ: 12 tháng, 24 tháng, 36 tháng,...);
- (12), (13), (14), (15), (16), (17): Ghi đầy đủ thông tin của hàng hóa dự thầu;
- (18): Ghi các lưu ý (nếu cần thiết).

PHỤ LỤC – DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI THẦU

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Bộ hóa chất tách chiết DNA máu ngoại vi (Hộp 250 phản ứng)	Tách chiết DNA tổng số từ máu, các chất dịch cơ thể thành phần tối thiểu gồm: +Cột lọc: 250 chiếc (đóng gói vô trùng, riêng biệt từng cột lọc) +Ống thu: 750 chiếc +Dung dịch đệm phá vỡ màng tế bào từ mẫu mô: 50 ml +Dung dịch đệm phá vỡ màng tế bào từ mẫu máu 2 x 33 ml +Dung dịch rửa màng lọc bước 1: 98 ml +Dung dịch rửa màng lọc bước 2: 66 ml +Dung dịch hòa tan DNA: 128 ml +Proteinase K: 6 ml	250 phản ứng/Hộp	Hộp	10	3	Không yêu cầu
2.	Bộ hóa chất tách chiết DNA máu ngoại vi (Hộp 50 phản ứng)	Tách chiết DNA tổng số từ máu, mô, các chất dịch cơ thể Thành phần bao gồm: +Cột lọc: 50 chiếc (đóng gói vô trùng, riêng biệt từng cột lọc) +Ống thu: 150 chiếc +Dung dịch đệm phá vỡ màng tế bào từ mẫu mô: 14 ml +Dung dịch đệm phá vỡ màng tế bào từ mẫu máu 12 ml +Dung dịch rửa màng lọc bước 1: 19 ml +Dung dịch rửa màng lọc bước 2: 13 ml +Dung dịch hòa tan DNA: 2 x 15 ml +Proteinase K: 1,25 ml	50 phản ứng/Hộp	Hộp	3		Không yêu cầu
3.	Dung dịch nước không chứa DNA/ RNA (dH ₂ O)	Nước dùng trong sinh học phân tử, đã được lọc qua màng 0,1 µm - Không chứa: DNase/RNase, protease - pH: 6-8	500ml/ Chai	Chai	13	3	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.	Trình tự môi (Primer)	Mỗi đồng khô - Nồng độ tối thiểu: 50 nmol - Khả năng tổng hợp >20 oligonucleotide/môi - Phương pháp tinh sạch: khử muối. - Nồng độ đầu ra: >30 nmol	50nmol /Ống	Ống	540	162	Không yêu cầu
5.	PRIMER	Trình tự 10-90 base. Cung cấp dưới dạng ống đồng khô. Tinh sạch theo phương pháp loại muối.	200 nmol/ống	Ống	20	6	Không yêu cầu
6.	Probe (FAM/BHQ1)	Trình tự 10-90 base. Cung cấp dưới dạng ống đồng khô. Tinh sạch theo phương pháp HPLC.	100 nmol/ống	Ống	16	4	Không yêu cầu
7.	Hỗn hợp phản ứng PCR (Platinum Taq DNA polymerase)	Hóa chất chứa Platinum Taq DNA polymerase để khuếch đại hiệu quả các mẫu DNA bằng PCR. Bao gồm: +Enzym Platinum Taq DNA Polymerase: 24 µL +Dung dịch đệm PCR 10X (không có MgCl2): 1,25 mL +Dung dịch MgCl2 (50 mM): 1 mL +Dung dịch đệm, tăng độ đặc hiệu cho phản ứng kéo dài chuỗi (Extender) 1,3 mL Bảo quản: -30 °C đến -10 °C	120 phản ứng/ Hộp	Hộp	2		Không yêu cầu
8.	Hóa chất phản ứng PCR đa môi (Platinum Multiplex PCR kit)	Hỗn hợp PCR có khả năng khuếch đại đa môi bao gồm: +Hỗn hợp Platinum Multiplex PCR Master Mix (2X): 1,25 mL + Dung dịch đệm tăng độ đặc hiệu cho các trình tự giàu GC (GC Enhancer): 0,3 mL Bảo quản: -15 °C đến -25 °C.	50 phản ứng/ Hộp	Hộp	2		Không yêu cầu
9.	Hỗn hợp phản ứng PCR đa môi (Qiagen Multiplex PCR Kit)	Hỗn hợp PCR khuếch đại đa môi có tốc độ kéo dài chuỗi: 2-4 kb/phút ở 72°C, thành phần: Hỗn Hợp Multiplex PCR Master Mix (có bổ sung HotStarTaq DNA Polymerase 5U/uL và MgCL2 với nồng độ 3mM) 3 x 0,85ml/ ống	100 Phản ứng / Hộp	Hộp	16	4	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Dung dịch đệm tăng độ đặc hiệu cho các trình tự giàu GC (nồng độ 5X) 1 x 2,0 ml/ống Dung dịch nước không chứa RNase 2 x 1,7 ml/ống					
10.	Hỗn hợp phản ứng PCR chứa chất nhuộm màu (GoTaq Green Master mix)	Hóa chất chứa Taq DNA polymerase có nguồn gốc từ vi khuẩn, dNTPs, MgCl ₂ , chất nhuộm màu xanh dùng cho điện di thạch agarose/ thạch Acrylamide và các chất đệm phản ứng ở nồng độ tối ưu để khuếch đại hiệu quả các mẫu DNA bằng PCR, - Thành phần bao gồm: + 1 lọ Hỗn hợp phản ứng PCR 2X (25mL), có bổ sung chất nhuộm màu xanh (green) + 1 lọ Dung dịch nước vô trùng (25ml)	25ml/hộp (1000 phản ứng/ Hộp)	Hộp	8	2	Không yêu cầu
11.	Hỗn hợp phản ứng PCR không chứa chất nhuộm màu (GoTaq Colorless Master mix)	Hóa chất chứa Taq DNA polymerase có nguồn gốc từ vi khuẩn, dNTPs, MgCl ₂ và các chất đệm phản ứng ở nồng độ tối ưu để khuếch đại hiệu quả các mẫu DNA bằng PCR, Hóa chất bao gồm: + 1 lọ Hỗn hợp phản ứng PCR 2X (25mL), không bổ sung chất nhuộm màu (colorless) + 1 lọ Dung dịch nước vô trùng (25ml)	25ml/hộp (1000 phản ứng/ Hộp)	Hộp	4	1	Không yêu cầu
12.	Thang chuẩn DNA 100 bp	Được sử dụng trong quá trình điện di thạch agarose 1–3%. Kích thước thang chuẩn: từ 100 bp đến 2,000 bp được phân tách thành 13 đoạn DNA riêng lẻ: + Từ 100bp đến 1000bp gồm 10 đoạn, cách nhau 100bp + Từ 1000bp đến 2000bp có 3 đoạn kích thước 1200bp, 1500bp và 2000bp. Thành phần: +Thang chuẩn DNA (Nồng độ 0,5 µg/µL): 1 x 500 µL/ống +Hóa chất nhuộm màu DNA 10X: 1 x 1 mL/ống	250 µg/ Hộp	Hộp	6	1	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
13.	Thang chuẩn DNA 1kb Plus	Được sử dụng trong quá trình điện di thạch agarose 0,8–1%. Kích thước thang chuẩn: 100 bp đến 15,000 bp được phân tách thành ≥ 18 đoạn DNA riêng lẻ trong quá trình điện di và đoạn tham chiếu sáng rõ có kích thước 1500bp. Thành phần: +Thang chuẩn DNA (Nồng độ 0,5 $\mu\text{g}/\mu\text{L}$): 1 x 500 μL /ống +Hóa chất nhuộm màu DNA 10X: 1 x 1 mL/ống	250 μg / Hộp	Hộp	2		Không yêu cầu
14.	Đệm màu tra mẫu điện di	Sử dụng theo dõi các mẫu DNA trong gel agarose hoặc gel polyacrylamide. Thành phần: Dung dịch đệm màu (nồng độ 10X)	3 x 1 mL / Hộp	Hộp	13	3	Không yêu cầu
15.	Thuốc nhuộm DNA trong điện di gel agarose (Ethidium Bromide)	Thuốc nhuộm được sử dụng để phát hiện axit nucleic dưới ánh sáng UV trong gel agarose hoặc gel polyacrylamide và sử dụng trong quá trình dừng phân bào của tế bào Dạng dung dịch có nồng độ 10 mg/ml Ethidium Bromide và chất nhuộm màu Caesium chloride (CsCl)	10ml/ Hộp	Hộp	5	1	Không yêu cầu
16.	Kit tinh sạch sản phẩm PCR	Bộ hóa chất dùng để loại bỏ mồi (primer) và dNTP còn tồn dư trong phản ứng PCR sau khuếch đại. Thành phần bao gồm: +Dung dịch đệm cho sản phẩm PCR $>300\text{bp}$: 72 ml +Dung dịch đệm cho sản phẩm PCR $<300\text{bp}$: 109 ml +Dung dịch rửa: 80 ml +Dung dịch hòa tan mẫu: 15 ml +Cột lọc: 250 cái +Ống thu mẫu (1,7 ml): 250 cái	250 phản ứng/ Hộp	Hộp	29	8	Không yêu cầu
17.	Hóa chất tinh sạch mẫu giải trình tự gen (Bigdye Xterminator)	Bộ hóa chất tinh sạch DNA sợi đơn bằng cách loại bỏ các tín hiệu huỳnh quang tự do và muối. Thành phần bao gồm: + Dung dịch loại bỏ chất nhuộm và muối tự do (Xterminator): 2 mL/ống	100 Phản ứng / Hộp	Hộp	35	10	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		+ Dung dịch đệm và ổn định sau phản ứng (Sam): 9mL/ống Bảo quản: 2°C - 8°C Hạn sử dụng ≥ 4 tháng					
18	Hi-Di Formamide	Là formamide khử ion độ tinh khiết cao, đảm bảo độ ổn định của mẫu và thu được cường độ tín hiệu cao trong cả quá trình phân tích đoạn và giải trình tự Sanger - Dạng chất lỏng - Thể tích 25ml/Lọ - Bảo quản: -15 đến -25 độ C	25ml/ Lọ	Lọ	4	1	Không yêu cầu
19	Dung dịch đệm TBE 10X	Sử dụng trong trong điện di sản phẩm PCR trên gel agarose, gel Polyacrylamide. - Thành phần gồm 1 M Tris, 0,9 M boric acid và 0,01 M EDTA - Dạng lỏng - Nồng độ 10X	1lít/ Chai	Chai	61	18	Không yêu cầu
20	Thạch Agarose	Sử dụng để phân tách các đoạn DNA và RNA có kích thước từ 100 bp đến >30 kb. Dạng bột hoặc viên nén	500g/ Lọ	Lọ	13	3	Không yêu cầu
21	Dung dịch 2-Propanol (Iso	Công thức hóa học: C ₃ H ₈ O - Phân tử khối: 60,1 g/mol - Màu sắc: Không màu - Dạng: Lỏng - Phổ hồng ngoại: Phù hợp với cấu trúc - Độ tinh khiết (GC-Sắc ký khí) 99,5% - Hàm lượng nước (Karl Fischer) ≤0,2% - Dư lượng khi bay hơi ≥0,003%	1lít/ Chai	Chai	1		Không yêu cầu
22	Dung dịch đệm TE (Tris-EDTA)	Tris-EDTA buffer solution - pH 8,0 ±0,2 (tại 25 độ C)	1lít/ Chai	Chai	1		Không yêu cầu

TT thứ	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		- Dạng: Lỏng - Không chứa DNase, RNase					
23.	Bộ kit khuếch đại 16 vị trí STR PCR AmpFLSTR Identifiler Plus	Thành phần: Master Mix, Primer Set, Allelic Ladder, DNA Control. Phân tích được các chỉ thị: D21S11, CSF1PO, vWA, D8S1179, TH01, D18S51, D5S818, D16S539, D3S1358, D2S1338, TPOX, FGA, D7S820, D13S317, D19S433.	100 phản ứng/ Hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu
24.	Bộ hóa chất phân tích đoạn MLPA	Hóa chất bao gồm: - SALSA MLPA Buffer (180 µl) - SALSA Ligase-65 (115 µl) - SALSA Ligase Buffer A (360 µl) - SALSA Ligase Buffer B (360 µl) - SALSA PCR Primer Mix (240 µl) - SALSA Polymerase (65 µl) - Probemix (160 µl) - SALSA MLPA Reagent Kit - FAM	100 phản ứng/ Hộp	Hộp	26	7	Không yêu cầu
25.	Bộ hóa chất phân tích đoạn MS- MLPA	Hóa chất bao gồm: - SALSA MLPA Buffer (180 µl) - SALSA Ligase-65 (115 µl) - SALSA Ligase Buffer A (360 µl) - SALSA Ligase Buffer B (360 µl) - SALSA PCR Primer Mix (240 µl) - SALSA Polymerase (65 µl) - SALSA MS-MLPA Probemix (160 µl) - SALSA MLPA Reagent Kit - FAM - SALSA HhaI (115 µl)	100 phản ứng/ Hộp	Hộp	6	1	Không yêu cầu
26.	DNA Hệ gen Nữ chuẩn	Trọng lượng phân tử: 90% DNA trong bộ gen của người Nữ có kích thước $\geq 50\text{kb}$, được hòa tan trong 0,95mL dung dịch đệm TE (10mM Tris-HCl, 1mM EDTA [pH 8,0]). Nguồn máu tách DNA: âm tính với kháng nguyên HIV	100µg/ Ống	Ống	6	1	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		và viêm gan B Tỷ lệ độ hấp thụ A260/A250 $\geq 1,05$; A260/A280 $\geq 1,80$					
27.	DNA Hệ gen Nam chuẩn	Trọng lượng phân tử: 90% DNA trong bộ gen của người Nam có kích thước $\geq 50\text{kb}$, được hòa tan trong 0,95mL dung dịch đệm TE (10mM Tris-HCl, 1mM EDTA [pH 8.0]). - Nguồn máu tách DNA: âm tính với kháng nguyên HIV và viêm gan B Tỷ lệ độ hấp thụ A260/A250 $\geq 1,05$; A260/A280 $\geq 1,80$	100 μg / Ống	Ống	6	1	Không yêu cầu
28.	Enzym Taill	Enzyme giới hạn Taill, nhận biết và cắt tại vị trí ACGT^ Thể tích 2000U Nồng độ 10U/uL Bộ đệm 10x Nhiệt độ phản ứng tối ưu 65 độ C	2000U/ Ống	Ống	5	1	Không yêu cầu
29.	Enzym TasI	Enzyme giới hạn TasI, nhận biết và cắt tại vị trí ^AATT Thể tích 5000U Nồng độ 10U/uL Bộ đệm 10x Nhiệt độ phản ứng tối ưu 65 độ C	5000U/ Ống	Ống	5	1	Không yêu cầu
30	Enzym DraI	Enzyme giới hạn DraI, nhận biết và cắt tại vị trí TTT^AAA Thể tích 1500U Nồng độ 10U/uL Bộ đệm 10x Nhiệt độ phản ứng tối ưu 37 độ C	1500U/ Ống	Ống	7	2	Không yêu cầu
31.	Hóa chất rửa tế bào Phosphate buffered saline (PBS)	PBS không có Canxi, Magie, Phenol Red Nồng độ: 1X pH: 7,45	100 viên/ hộp	Hộp	40	12	Không yêu cầu
32.	Hóa chất dừng chu trình tế bào	Thành phần: N-desacetyl-N- methylocolchicine 10 μg / mL Định dạng: Dung dịch. Đạt chứng chỉ CE, IVD	10ml/ Lọ	Lọ	150	45	Không yêu cầu

TT thần	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
33.	Hóa chất sử dụng giúp Nhuộm sắc thể bắt màu Giemsa Trypsin 2.5% không phenol	Nguồn gốc: từ tuyến tụy lợn đã được chiếu xạ - Sử dụng rộng rãi để phân ly tế bào, nuôi cấy tế bào thường quy và phân ly mô sơ cấp - Nồng độ: 2,5% - Lọc vô trùng - Thành phần: Trypsin không chứa EDTA, không chỉ thị màu phenol - Định dạng: dung dịch - Độ thẩm thấu: 270 - 320 mOsm / kg - pH: 7,1 - 8,0 Đạt chứng chỉ CE, IVD	100mL/ Chai	Chai	20	6	Không yêu cầu
34.	Hóa chất phân tách tế bào tế bào dính Trypsin EDTA 0.25% phenol red	Nguồn gốc: từ tuyến tụy lợn đã được chiếu xạ. - Nồng độ: 0,25% - Thành phần bao gồm: EDTA, chỉ thị màu phenol đỏ - Phân loại: nguồn gốc động vật - Định dạng: Dung dịch - Khoảng pH: 7,2-8,0 - Độ thẩm thấu: 270 - 310 mOsm/kg - Nồng độ: 1X Đạt chứng chỉ CE, IVD	100 mL/ Chai	Chai	40	12	Không yêu cầu
35	Hóa chất gắn lamén	Tinh khiết mức độ phân tích $\geq 99\%$, dùng trong giải phẫu bệnh và huyết học - Thành phần bao gồm có: Toluene: 64 - 66%, nhựa Acrylic: 34-36% - Điểm sôi: 42.4 - 43°C - Điểm đóng băng: - 139°C - Trọng lượng riêng/mật độ: 0.943 ở 21°C Hòa tan tốt trong Toluen, không nhanh bị khô	128mL/ Chai	Chai	150	45	Không yêu cầu
36.	Dung dịch rửa Saline Sodium Citrate (SSC)	Mục đích: sử dụng trong các ứng dụng lai tạo axit nucleic (nucleic acid hybridizations) và các ứng dụng chuyển blot (blot transfer)	1 Lit/ Chai	Chai	12	3	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		-Nồng độ: 20X - Được lọc vô trùng -Thành phần: 3,0 M NaCl và 0,3 M Natri citrat - pH 7,0 -Không chứa: DNase và Rnase					
37.	Hóa chất tăng tái tổ hợp phân bào trong nuôi cấy Nhiễm sắc thể của bệnh thiếu máu Faconi Mitomycin C from Streptomyces caespitosus	Hợp chất kháng sinh thu được từ nấm Streptomyces caespitosus Chứa 2 mg mitomycin C và 48 mg NaCl Cấu trúc hóa học: Aziridine, là dẫn xuất của axit 3-amino-5-hydroxybenzoic (AHBA), D-glucosamine, L-methionine và carbamoyl phosphate Tinh khiết mức độ phân tích $\geq 99\%$ Hòa tan trong nước ở mức 0,5 mg/mL, có độ pH 6,0-7,5 Bảo quản tránh ánh sáng	2mg/ lọ	Lọ	3		Không yêu cầu
38.	Hoá chất đệm lai đầu dò DNA trong kĩ thuật FISH LSI/WCP Hybridization Buffer	Hóa chất đệm để gắn đầu dò vào DNA đích sử dụng trong kĩ thuật FISH	(150 μ L/lọ x2lọ)/Kit	Kit	20	6	Không yêu cầu
39.	Viên nén đệm Gibco-GURR Buffer	Mục đích: Pha dung dịch đệm phosphate pH 6,8 để pha loãng thuốc nhuộm Giemsa, sử dụng trong nhuộm band G của nhiễm sắc thể để phân tích di truyền tế bào. -Thành phần: Na ₂ HPO ₄ /KH ₂ PO ₄ -Đóng gói : dạng viên (một viên pha với 1 Lít nước cất)	50 viên/ lọ	Lọ	25	7	Không yêu cầu
40.	Potassium Chloride (KCl)	Công thức: KCl Dạng bột, màu trắng, không mùi Trọng lượng phân tử : 74,56 g/mol Độ hòa tan trong nước: 355 g/l ở 25 °C Độ tinh khiết $\geq 99,9\%$	1Kg/ Hộp	Hộp	6	1	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Độ pH 5,5 – 8,5 ở 50,0 g/l ở 20,0 °C Mật độ 1,98 g/cm ³ ở 20,0 °C Các chất không hòa tan trong nước ≤ 0,01 % Bromide (Br) ≤ 0,05 % Iodide (I) ≤ 0,002 % Phosphate (PO ₄) ≤ 0,0005 % Sulfate (SO ₄) ≤ 0,005 % Total nitrogen (N) ≤ 0,001 % Heavy metals (as Pb) ≤ 0,0005 % Ba (Barium) ≤ 0,001 % Ca (Calcium) ≤ 0,001 % Fe (Iron) ≤ 0,0003 % Mg (Magnesium) ≤ 0,002 % Na (Sodium) ≤ 0,02 %					
41.	Hóa chất tẩy rửa, hòa tan Protein màng trong kĩ thuật lai huỳnh quang tại chỗ FISH IGEPAL- CA630	Thành phần: (C ₂ H ₄ O) _n C ₁₄ H ₂₂ Hóa chất tẩy rửa không ion, không biến tính để hòa tan và tinh chế các phức hợp Protein màng Nồng độ: 0,08M Bảo quản: 20-25°C	100ml/ Chai	Chai	8	2	Không yêu cầu
42.	Bộ hoá chất xử lí tiêu bản u cố định parafin (SPoT-Light Pretreatment Tissue Kit)	Hóa chất dùng trong kĩ thuật FISH trên tiêu bản u nền Thành phần: Một bộ hóa chất gồm: Chai 1000mL Heat Pretreatment solution, Ph=7 Ống 10mLEnzyme reagent	Bộ/ Hộp	Hộp	12	3	Không yêu cầu
43.	Đầu dò 2 màu huỳnh quang phát hiện tổ hợp gen lai N- MYC/CEP 2	Đầu dò lai huỳnh quang với vùng băng 2p24 và vùng vệ tính alpha của nhiễm sắc thể số 2. Mẫu dò có thể được dùng với các nhiễm sắc thể kỳ giữa hoặc nhân gian kỳ. Thành phần gồm:	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20µl, 1 Chai đệm x 150µl	Kit	10	3	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		- Mẫu dò LSI N-MYC/CEP2: 20 μ L - Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffe: 150 μ L					
44.	Đầu dò 3 màu huỳnh quang phát hiện vùng gen lai Prader Willi/Angelman	Mục đích: phát hiện tổ hợp gen lai Prader Willi/Angelman trên NST 15 dùng cho kỹ thuật FISH - Đầu dò SNRPN kích thước 125 kb - Đầu dò PML kích thước 239 kb - Đầu dò D15Z1 - Thành phần gồm: + Mẫu dò Prader Willi/Angelman SNRPN/CEP/PML: 10 μ L + Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffe: 150 μ L	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 10 μ l, 1 Chai đệm x 150 μ l	Kit	8	2	Không yêu cầu
45.	Đầu dò 2 màu huỳnh quang phát hiện vùng gen lai NST X/Y	- Mục đích: phát hiện số lượng nhiễm sắc thể X, Y dùng cho kỹ thuật FISH - Đầu dò DXZ1 - Đầu dò DYZ3 - Thành phần gồm: + Mẫu dò DXZ1, DYZ1 : 20 μ L + Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffer	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20 μ l, 1 Chai đệm x 150 μ l	Kit	1		Không yêu cầu
46.	Đầu dò 2 màu huỳnh quang phát hiện vùng gen lai Sotos NSD1/ D5S23, D5S721	- Mục đích: phát hiện tổ hợp gen lai Sotos trên NST 5 dùng cho kỹ thuật FISH - Đầu dò NDS1 kích thước 180 kb - Đầu dò D5S23, D5S721 kích thước 561 kb - Thành phần gồm: + Mẫu dò Sotos: 20 μ L + Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffe: 150 μ L	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20 μ l, 1 Chai đệm x 150 μ l	Kit	1		Không yêu cầu
47.	Đầu dò 2 màu huỳnh quang phát hiện vùng gen lai WHS/ CEP	- Mục đích: phát hiện tổ hợp gen lai Wolf-Hirschhorn trên NST 4 dùng cho kỹ thuật FISH - Đầu dò WHS kích thước 90 kb - Đầu dò CEP 4 - Thành phần gồm:	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20 μ l, 1 Chai đệm x 150 μ l	Kit	1		Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		+ Mẫu dò Wolf-Hirschhorn: 20 μ L + Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffer: 150 μ L					
48.	Đầu dò 2 màu huỳnh quang phát hiện tổ hợp gen lai LSI N25/ARSA	Mục đích: phát hiện tổ hợp gen lai LSI N25/ARSA trên NST 22 dùng cho kỹ thuật FISH - Đầu dò N25 kích thước 125 kb - Đầu dò ARSA kích thước 334 kb - Thành phần gồm: - Mẫu dò DiGeorge region LSI N25/ARSA: 10 μ L - Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffer: 150 μ L	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 10 μ l, 1 Chai đệm x 150 μ l	Kit	12	3	Không yêu cầu
49.	Đầu dò 2 màu huỳnh quang phát hiện chuyển đoạn BCR/ABL	Mục đích: phát hiện đột biến chuyển đoạn t(9;22) (q34;q11.2) Mẫu dò gồm: - Mẫu dò ABL1 SpectrumOrange: kích thước: 671 kb kéo dài từ gen ASS1 phía tâm động đến gen ABL1 phía đầu mút trên nhiễm sắc thể 9. - Mẫu dò BCR SpectrumGreen bao phủ một đoạn gen dài khoảng 1,5 Mb. Bắt đầu từ locus IGL trên nhiễm sắc thể 22 và kết thúc tại một điểm khoảng 900 kb về phía đầu mút từ gen BCR. Thành phần: - Mẫu dò Vysis LSI BCR/ ABL Dual Color, Dual Fusion Translocation Probe: 20 μ L - Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffer: 150 μ L	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20 μ l, 1 Chai đệm x 150 μ l	Kit	7	2	Không yêu cầu
50.	Đầu dò 2 màu huỳnh quang phát hiện chuyển đoạn liên quan đến vùng gen MLL.	Mục đích: phát hiện các đột biến chuyển đoạn liên quan đến gen MLL. - Mẫu dò 5' (tâm động) SpectrumGreen MLL bắt đầu giữa exon 6 và 8 trên gen MLL và kéo dài khoảng 384 kb về phía tâm động nhiễm sắc thể 11. - Mẫu dò 3' (đầu mút) SpectrumOrange MLL bắt đầu giữa exon 4 và 5 trên gen MLL và kéo dài khoảng 256 kb về phía đầu mút nhiễm sắc thể 11.	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20 μ l, 1 Chai đệm x 150 μ l	Kit	7	2	Không yêu cầu

TT thần	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Thành phần: - Mẫu dò Vysis LSI MLL Dual Color, Break Apart Rearrangement Probe - Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffer: 150μL					
51	Đầu dò 2 màu huỳnh quang phát hiện chuyển đoạn TCF3/PBX1	Mục đích: phát hiện chuyển đoạn t(1;19) dùng cho kỹ thuật FISH - Đầu dò TCF3 trên nhiễm sắc thể số 19, kích thước 730kb - Đầu dò PBX1 trên nhiễm sắc thể số 1, kích thước 635kb Thành phần: - Mẫu dò Vysis LSI TCF3/PBX1 Dual Color, Dual Fusion Translocation Probe: 20μL - Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffer: 150μL	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20μl, 1 Chai đệm x 150μl	Kit	10	3	Không yêu cầu
52.	Bộ đầu dò phát hiện chuyển đoạn liên quan đến vùng gen MYC	Mục đích: phát hiện đột biến sắp xếp lại nhiễm sắc thể liên quan đến vùng gen MYC trên nhiễm sắc thể 8q24. - Mẫu dò SpectrumOrange kích thước :277 kb bắt đầu từ điểm cách gen MYC 119 kb về phía tâm động - Mẫu dò SpectrumGreen kích thước: 407 kb bắt đầu từ điểm cách gen MYC 1,5Mb về phía đầu mút - Thành phần gồm: - Mẫu dò Vysis MYC Break Apart FISH Probe Kit - Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffer	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20μl, 1 Chai đệm x 150μl	Kit	3		Không yêu cầu
53	Bộ đầu dò tín hiệu huỳnh quang màu cam phát hiện gen MYC	Mục đích: phát hiện số bản copy locus MYC (C-MYC) nằm tại nhiễm sắc thể 8q24.12- q24.13 - Mẫu dò cánh dều SpectrumOrange kích thước:138 kb chứa ~5 kb gen MYC kéo từ Exon 1 đến Exon 3 -Thành phần: - Mẫu dò Vysis LSI MYC SpectrumOrange FISH Probe Kit - Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffer: 150μL	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20μl, 1 Chai đệm x 150μl	Kit	5	1	Không yêu cầu
54.	Bộ đầu dò phát hiện chuyển đoạn liên	Mục đích: phát hiện các đột biến sắp xếp lại nhiễm sắc thể liên quan đến vùng gen FOXO1 (FKH1, FKHR) trên nhiễm	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20μl,	Kit	5	1	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	quan đến vùng gen FOXO1	sắc thể 13q14 - Mẫu dò SpectrumGreen kích thước: 724 kb được đánh dấu nằm ở đầu gần tâm động tới gen FOXO1. - Mẫu dò SpectrumOrange kích thước: 655kb, kéo dài từ gen FOXO1 theo hướng cách xa tâm động kb. -Thành phần: - Mẫu dò Vysis FOXO1 Break Apart FISH Probe Kit: 20μL - Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffer	1 Chai đệm x 150μl				
55.	Hoá chất chiết quang để quan sát được màu nhuộm DNA DAPI II	Hóa chất được sử dụng dùng trong xét nghiệm FISH, nhuộm tín hiệu đầu dò phân tích dưới kính hiển vi huỳnh quang -Điều kiện: tránh ánh sáng	Hộp 500μLx2/ Kit	Kit	20	6	Không yêu cầu
56.	Mẫu dò 2 màu huỳnh quang phát hiện vùng gen lai Williams	Mục đích: phát hiện tổ hợp gen lai ELN/D7S486, D7S522 trên NST 7, dùng cho kỹ thuật FISH - Đầu dò ELN/D7S486 kích thước 215 kb - Đầu dò D7S522 kích thước 448 kb - Thành phần gồm: - Mẫu dò Williams region LSI ELN/D7S486, D7S522: 20μL - Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffe: 150μL	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20μl, 1 Chai đệm x 150μl	Kit	5	1	Không yêu cầu
57.	Bộ đầu dò phát hiện chuyển đoạn liên quan đến vùng gen EWSR1	Mục đích: phát hiện các đột biến sắp xếp lại của nhiễm sắc thể liên quan đến vùng gen EWSR1 trên nhiễm sắc thể 22q12 - Mẫu dò SpectrumOrange kích thước :497kb được đánh dấu ở phía đầu 5' của gen EWSR1, và kéo dài vào phía trong đoạn intron 4. - Mẫu dò SpectrumGreen kích thước :1100 kb được đánh dấu ở phía đầu 3' của gen EWSR1. Những điểm đứt gãy đã biết trong gen EWSR1 có giới hạn từ intron 7 đến 10 -Thành phần:	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20μl, 1 Chai đệm x 150μl	Kit	4	1	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		- Mẫu dò Vysis LSI EWSR1 (22q12) Dual Color, Break Apart Rearrangement Probe: 20µL - Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffer: 150µL					
58.	Bộ đầu dò 2 màu huỳnh quang phát hiện chuyển đoạn liên quan đến tổ hợp gen: lai ETV6(RUNX1(AML1)	Mục đích: phát hiện chuyển đoạn t(12;21) (p13;q22) tạo ra tổ hợp gen ETV6/RUNX1. - Mẫu dò SpectrumGreen ETV6 và một mẫu dò SpectrumOrange RUNX1. - Mẫu dò LSI ETV6 bắt đầu giữa exons 3 & 5 và kéo dài về phía đầu mút 12p, dài khoảng 347 kb. Mẫu dò LSI RUNX1 bao phủ toàn bộ gen RUNX1 và dài khoảng 732 kb. Thuốc thử: - Mẫu dò Vysis LSI ETV6(RUNX1(AML1) ES Dual Color Translocation Probe Set - Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffer: 150µL	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20µl, 1 Chai đệm x 150µl	Kit	2		Không yêu cầu
59.	Đầu dò 2 màu huỳnh quang phát hiện vùng gen RUNX1/RUNX1T1	Mục đích: phát hiện đột biến chuyển đoạn t(8;21) (q21.3;q22) liên quan đến các vùng gen RUNX1 và RUNX1T1. - Mẫu dò SpectrumOrange dài xấp xỉ 655 kb trên gen RUNX1T1. - Mẫu dò SpectrumGreen dài khoảng 1.4Mb trên gen RUNX1. Thành phần: - Mẫu dò Vysis LSI RUNX1/RUNX1T1 DF FISH Probe: 20µl - Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffer: 150µL	Kit gồm 1 Chai mẫu dò x 20µl, 1 Chai đệm x 150µl	Kit	2		Không yêu cầu
60.	Bộ đầu dò phát hiện chuyển đoạn liên quan đến vùng gen ETV6	Mục đích: phát hiện đột biến sắp xếp lại nhiễm sắc thể liên quan đến vùng gen ETV6 trên nhiễm sắc thể 12p13 - Mẫu dò SpectrumOrange kích thước: 486kb được đánh dấu S tới vùng điểm đứt gãy gen ETV6 - Mẫu dò SpectrumGreen kích thước: 632 kb nằm ở trung	Hộp gồm 1 Chai mẫu dò x 20µl, 1 Chai đệm x 150µl	Hộp	2		Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		tâm của vùng điểm ngắt gen ETV6: 20µl - Đệm lai Vysis LSI/WCP Hybridization Buffer: 150µL					
61.	Enzyme Asparaginase từ Escherichia coli	Dạng: bột đông khô Hoạt tính cụ thể: 100-300 đơn vị/mg protein (biuret) Thành phần Protein, ≥60% Nhiệt độ bảo quản 2-8°C	Lọ 100 Unit	Lọ	4	1	Không yêu cầu
62.	Dung dịch đệm phosphat Nồng độ 10×	Tiêu chuẩn: Sinh học phân tử vô trùng 0,2 µm lọc càng dung dịch điều kiện bảo quản đóng chặt Phù hợp cho các kỹ thuật: nuôi cấy tế bào động vật có vú; miễn dịch tế bào hóa học; miễn dịch huỳnh quang tạp chất đã thử nghiệm: Bioburden, nội độc tố, ≤5 ppm kim loại nặng (dưới dạng Pb) không màu; pH 7,2-7,6 (25 °C) hòa tan trong nước dấu vết cation kim loại nặng (dưới dạng Pb): ≤5 ppm thích hợp cho phép đo lưu lượng tế bào; ứng dụng (các ứng dụng) phân phối thuốc tiên tiến không phát hiện thấy hoạt tính lạ: DNase, NICKase, Protease, RNase	Lọ 1L	Lọ	2		Không yêu cầu
63.	Albumin huyết thanh bò dạng bột đông khô	Nguồn sinh học từ bò Tinh khiết ≥96% (điện di gel agarose) Dạng bột đông khô, độ mất ≤6% mol wt ~66 kDa tinh chế bằng phân đoạn ethanol lạnh đóng gói chai poly; Các kt phù hợp ELISA, nhóm máu, nuôi cấy vi sinh tạp chất ≤6.0% Độ mất khi sấy pH 6,5-7,5 (1% trong natri clorua 0,15 M)	Lọ 10G	Lọ	2		Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		độ hòa tan trong nước: hòa tan (40 mg/ml) Số hiệu UniProt P02769 hoạt tính lạ: BT Virus và VSV Virus đều không phát hiện nhiệt độ bảo quản 2-8°C					
64.	Dung dịch đệm Tris Buffered Saline	TBS, Tris Buffered Saline, Dung dịch 10X, pH 7,4, Sinh học phân tử Dung dịch 10X chứa 1,37M NaCl, 0,027M KCl và 0,25M tris Để chuẩn bị dung dịch 1X, trộn một thể tích dung dịch Fisher BioReagents 10X TBS với 9 thể tích nước siêu tinh khiết, chẳng hạn như BP2819 Đã lọc và hấp tiệt trùng - đệm TBS gốc sẵn sàng sử dụng Đã kiểm tra sự vắng mặt của DNase, RNase và protease Đệm TBS thường được sử dụng trong các kỹ thuật phát hiện miễn dịch như các giao thức Western blotting	1 lít/ lọ	Lọ	2		Không yêu cầu
65.	Axit α -Ketoglutaric	Tinh sạch: $\geq 98,5\%$ (NaOH, chuẩn độ) dạng bột độ hòa tan trong nước: 100 mg/mL, trong đến hơi đục, không màu đến hơi vàng nhiệt độ bảo quản 2-8°C	Lọ 100G	Lọ	2		Không yêu cầu
66.	L-Asparagine	Dòng sản phẩm BioReagent Tinh sạch $\geq 98\%$ (HPLC) dạng bột Phù hợp với kỹ thuật: nuôi cấy tế bào côn trùng, động vật có vú màu trắng mp 235 °C (dec.) (lit.)	Lọ 25G	Lọ	2		Không yêu cầu
67.	β -Nicotinamide adenine	Nguồn sinh học tổng hợp Tinh sạch $\geq 95\%$; Dạng bột độ hòa tan: 10 mM NaOH: hòa tan-100 mg/mL, trong đến	Lọ 500MG	Lọ	2		Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	dinucleotide, muối dipotassium khử	đục, hơi vàng đến vàng nhiệt độ bảo quản. -20°C					
68.	Enzym Glutamic- Oxalacetic Transaminase	Loại I dạng huyền phù amoni sulfat hoạt tính đặc hiệu 200-500 đơn vị/mg protein hoạt tính lạ: glutamic-pyruvic transaminase ≤0,03%; lactic dehydrogenase ≤0,01%; malic dehydrogenase ≤0,01% vận chuyển trong đá ướt nhiệt độ bảo quản 2-8°C	Lọ 2KU	Lọ	4	1	Không yêu cầu
69.	Enzym Malic Dehydrogenase	Dạng dung dịch glycerol đậm nước hoạt động riêng biệt 600-1000 đơn vị/mg protein (biuret) dấu vết cation NH ₄ ⁺ : ≤10 µg/mg protein hoạt động lạ: Glutamic-Oxalacetic Transaminase ≤0,01%; Glutamic-Pyruvic Transaminase ≤0,01% vận chuyển trong đá ướt nhiệt độ bảo quản 2-8°C	Lọ 5KU	Lọ	2		Không yêu cầu
70.	Huyết thanh AB	Nguồn sinh học huyết tương (Loại AB) đã lọc vô trùng thành phần hemoglobin, ≤30 mg/dL Các kỹ thuật phù hợp: nuôi cấy tế bào; nuôi cấy tế bào tế bào gốc tạp chất ≤10 EU/mL nội độc tố vận chuyển trong đá khô nhiệt độ bảo quản -20°C	Lọ 100ML	Lọ	6	1	Không yêu cầu
71.	Anti - A	Xác định nhóm máu. Kháng thể đơn dòng Anti A - Hiệu giá 1: 256 hoặc 1:512 với kỹ thuật ống nghiệm; Độ đặc hiệu: 100%; Độ nhạy: 100%.	10 ml/Lọ	Lọ	1.000	300	Có yêu cầu Số lượng: 2 lọ x 10 ml Nội dung đánh giá: Xác nhận tính

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							hiệu giá của kháng thể
72.	Anti - B	Xác định nhóm máu Kháng thể đơn dòng Anti B - Hiệu giá 1: 256 hoặc 1:512 với kỹ thuật ống nghiệm; Độ đặc hiệu: 100%; Độ nhạy: 100%.	10 ml/Lọ	Lọ	1.000	300	Có yêu cầu Số lượng: 2 lọ x 10 ml Nội dung đánh giá: Xác nhận tính hiệu giá của kháng thể
73.	Anti - D	Xác định nhóm máu. Kháng thể đơn dòng Anti D (dòng 11H5) - Hiệu giá $\geq$ 1:256; Độ đặc hiệu: 100%	10 ml/Lọ	Lọ	1.000	300	Có yêu cầu Số lượng: 2 lọ x 10 ml Nội dung đánh giá: Xác nhận tính hiệu giá của kháng thể
74.	Anti -AB	Xác định nhóm máu. Kháng thể đơn dòng Anti A, B - Hiệu giá 1: 256 hoặc 1:512 với kỹ thuật ống nghiệm; Độ đặc hiệu: 100%; Độ nhạy: 100%.	10 ml/Lọ	Lọ	900	270	Có yêu cầu Số lượng: 2 lọ x 10 ml Nội dung đánh giá: Xác nhận tính hiệu giá của kháng thể
75.	Thẻ định nhóm máu tại giường	Định nhóm máu tại giường. Kháng thể đơn dòng đã được đông khô, có màu khác nhau, gắn sẵn vào các vị trí tương ứng trên tấm card Bảo quản ở 5- 37 độ C - Thành phần: Ô anti A chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể đơn dòng Anti A IgM dòng Birma-1 (Hiệu giá $\geq$ 1:32); Ô anti B chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể	200 Test/1 gói	Test	160.000	48.000	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		đơn dòng Anti B IgM dòng LB-2 (Hiệu giá $\geq 1:32$); Ô control có chứa dung dịch đệm photphat. - Thiết kế 2 test nằm cạnh nhau, thuận tiện khi viết thông tin, không chạm vào hóa chất trên thẻ.					
76.	Panel sàng lọc kháng thể bất thường 0,8% hoặc 3% hoặc 5%	Thuốc thử định tính phát hiện các kháng thể bất thường hệ hồng cầu (loại 3 dòng tế bào) thuộc các hệ nhóm máu: Rh, Lewis MNS (Mia), Kell, Kidd, Duffy, Lutheran, P1PK. Nồng độ: 0,8% hoặc 3% hoặc 5%	3x10ml/ hộp	Hộp	480	144	Không yêu cầu
77.	Dung dịch phân tách tế bào đơn nhân theo gradient tỷ trọng (Ficoll)	Dung dịch phân tách tế bào đơn nhân Tỷ trọng: 1,077 g/mL	100 ml/ chai	chai	204	61	Không yêu cầu
78.	Enzyme xúc tác phản ứng PCR	Enzyme polymerase hot-start thể hệ mới, có độ nhạy cao Cung cấp bao gồm: - MyTaq HS DNA Polymerase: 1 x 200 μ L - Bộ đệm phản ứng MyTaq: 8 x 1mL	1000 Units/ Hộp	Lọ	10	3	Không yêu cầu
79.	Nước tinh khiết	Nước dùng trong sinh học phân tử Không chứa: Dnase/Rnase, protease Bảo quản: Nhiệt độ phòng	500 ml/Chai	chai	2		Không yêu cầu
80.	Hóa chất nhuộm acid nucleic an toàn	Dung dịch nhuộm màu huỳnh quang axit nucleic dùng cho điện di	1mL/Lọ	Lọ	3		Không yêu cầu
81.	Dung dịch đệm chạy điện di sản phẩm PCR	Dung dịch được lọc vô trùng gồm 1 M Tris, 0.9 M boric acid, and 0.01 M EDTA được sử dụng để chuẩn bị bộ đệm 1X cho điện di polyacrylamide và gel agarose Không chứa: DNase, RNase hoặc protease. Bảo quản: Nhiệt độ phòng	1000 ml/Chai	Chai	10	3	Không yêu cầu
82.	Hóa chất cố định tế bào dòng chảy	Đo tế bào dòng chảy để cố định và làm ổn định tế bào ở dạng huyền phù	200 test/ Túi	Test	1.000	300	Không yêu cầu

TT thứ	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mỗi thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Giảm hiện tượng loang màu và cho phép bổ sung đồng thời các kháng thể được đánh dấu fluorochrome trong bước thẩm thấu, máu toàn phần và tủy xương					
83	Hóa chất nhuộm kiểm tra quá trình biệt hóa mỡ	Oil Red O, Trạng thái: Rắn Nhiệt độ nóng chảy: 120 độ C Nhiệt độ sôi: 638,8 độ C Tỉ trọng: 1,2g/cm ³ - Dùng trong việc nhận diện và quan sát tế bào mỡ	100g/ lọ	Lọ	5	1	Không yêu cầu
84	Hóa chất nhuộm kiểm tra quá trình biệt hóa xương	Alizarin Red S Dạng bột tinh thể Trạng thái: Rắn Nhiệt độ nóng chảy: 287 độ C-289 độ C Nhiệt độ sôi: 430 độ C Dùng trong phát hiện và quan sát lắng đọng canxi trong mô và các mẫu vật khác	100 g/lọ	Lọ	5	1	Không yêu cầu
85	Hóa chất nhuộm kiểm tra quá trình biệt hóa sụn	Alcian blue 8GX - Dạng: Rắn - Độ hòa tan: Hòa tan trong nước (1 mg/ml) - Bảo quản: Nhiệt độ phòng - Dùng trong nhuộm sụn	25g/lọ	Lọ	5	1	Không yêu cầu
86.	Hóa chất bảo quản tế bào gốc trung mô	- Nồng độ endotoxin thấp - pH: 7,4–7,8 - Đông lạnh tế bào gốc trung mô người - Môi trường không chứa thành phần động vật, không chứa huyết thanh	50ml/ chai	Chai	70	21	Không yêu cầu
87.	Dung dịch bong tách tế bào	Enzyme tái tổ hợp có nguồn gốc từ quá trình lên men vi sinh vật, Không có nguồn gốc động vật, sử dụng để phân ly	100 mL/ chai	Chai	60	18	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		các dòng tế bào bám dính. Dung dịch được lọc vô trùng, không chứa Phenol red. Sản xuất tại các nước G7/EU					
88.	Penicillin- Streptomycin (10,000 U/mL)	Dung dịch vô trùng 100X chứa 10.000 đơn vị/mL penicillin và 10.000 µg/mL streptomycin, được sử dụng để ngăn ngừa ô nhiễm vi khuẩn trong nuôi cấy tế bào do tác dụng kết hợp hiệu quả của chúng chống lại vi khuẩn gram dương và gram âm. Sản xuất tại các nước G7/EU	100 mL/ lọ	Lọ	8	2	Không yêu cầu
89.	Amphotericin B	Amphotericin B chứa 250 µg amphotericin B và 205 µg natri deoxycholate trên mỗi mL nước cất, có tác dụng ngăn chặn sự phát triển của nấm. Sản xuất tại các nước G7/EU	20 mL/ lọ	Lọ	8	2	Không yêu cầu
90.	Dung dịch DPBS	* Không Phenol Red, không Ca ²⁺ /Mg ²⁺ , không Sodium Bicarbonate Sản xuất tại các nước G7/EU	500 ml/chai	chai	100	30	Không yêu cầu
91.	Dung dịch PBS, PH 7.4	Thành phần công thức không chứa: Ca, Mg, Phenol red - Được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 13485 QMS và tuân thủ các hướng dẫn cGMP hiện hành. Sản xuất tại các nước G7/EU	500 ml/chai	chai	50	15	Không yêu cầu
92.	sIL-2R/CD25 (Soluble) Human ELISA Kit	Kit ELISA hòa tan Interleukin 2 ở người/CD25 (Hu IL-2R) định lượng Hu IL-2R trong huyết thanh, huyết tương, dung dịch đệm hoặc môi trường nuôi cấy tế bào người. Xét nghiệm nhận biết cả Hu IL-2R tự nhiên và tái tổ hợp. Độ nhạy phân tích: 0,27 ng/mL Phạm vi phân tích: 0,31-20,0 ng/mL	96 Test/ Hộp	Hộp	7	2	Không yêu cầu
93.	Hóa chất phát hiện mycoplasma	Yêu cầu bổ sung hai thuốc thử vào dịch nuôi cấy để thực hiện hai phép đo phát quang	30 phản ứng/ hộp	Hộp	17	5	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		- Kết quả sau < 20 phút - Phát hiện tất cả các loại nhiễm trùng nhuộm thể thông thường (Mycoplasma, Acholeplasma, Entomoplasma và Spiroplasma; ngoại trừ Ureaplasma) - Phù hợp cho máy đo độ sáng dạng ống, máy đo độ sáng dạng tấm và đầu đọc đa chức năng					
94.	Hóa chất đối chứng mycoplasma	Chứa đối chứng âm và đối chứng dương Đối chứng dương không chứa mycoplasma sống	10 phản ứng/ hộp	Hộp	12	3	Không yêu cầu
95.	Kit thử endotoxin	Bộ kit phát hiện nội độc tố endotoxin trong nuôi cấy tế bào - Độ nhạy tối thiểu: 0,005 EU/mL	250 tests/bộ	Bộ	9	2	Không yêu cầu
96.	Chất chuẩn cho kit thử endotoxin	Chất chuẩn Endotoxin CSE	0.5 µg/lọ	Lọ	5	1	Không yêu cầu
97.	Nước tinh khiết không chứa LAL	Nước tinh khiết không chứa LAL Dung dịch hoàn nguyên LAL (Free endotoxin): LAL reagent water 1000 mL/Plastic bottle,	Chai 1000mL	Chai	5	1	Không yêu cầu
98.	Trypan blue 0.4%	- Được sử dụng như một chất nhuộm tế bào để đánh giá khả năng sống của tế bào sau lưu trữ đông lạnh. - Dạng lỏng, tiệt trùng - Độ thẩm thấu: 290 - 340 mOsm/kg - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	100 ml/chai	chai	4	1	Không yêu cầu
99.	Chất gắn tiêu bản	Dùng cho mục đích chẩn đoán trong ống nghiệm. Dùng làm môi trường gắn cố định, gốc nhựa trong chế phẩm mô học và tế bào học. Chất gắn nhanh khô gốc xylen. Có thể trộn lẫn với tất cả các chất làm sạch bao gồm cả chất thay thế xylen. Chất gắn này trong suốt về mặt quang học và không làm phai màu vết bản ngay cả sau thời gian lưu trữ kéo dài.	118mL/ Chai	Chai	210	63	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Thành phần gồm: Xylenes (o-, m-, p- isomers) 51-53%; Acrylic Resin 29-32%; Ethylbenzene 10-18%; Butyl benzyl phthalate 4-6%; 2,6-Di-tert-butyl-p-cresol <1%. Có IVD, ISO 13485, FDA					
100.	Giemsa nước	Dạng dung dịch gồm xanh methylen, azure và eosin, dùng nhuộm tế bào và Vi khuẩn HP. Điểm sôi > 65 ° C (1013 hPa). Mật độ 0,99 g / cm ³ (20 ° C) Giới hạn nỏ 5,5 - 44% (V) Metanol Nhiệt độ bốc cháy 455 ° C Giá trị pH 6,0 - 8,2 (H ₂ O, 20 ° C) (không pha loãng). Ưu tiên có IVD.	1 lít/ chai	Chai	145	43	Có yêu cầu Số lượng: 1 chai Nội dung đánh giá: Đảm bảo chất lượng bắt màu tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, các tế bào khác
101.	Giemsa bột	Thành phần: C ₁₄ H ₁₄ ClN ₃ S Trọng lượng phân tử: 291,80 g/mol Dạng bột Sử dụng để pha thành dạng dung dịch sử dụng trong kỹ thuật nhuộm băng G Ưu tiên hàng có IVD	100 g/ Chai	Chai	3		Không yêu cầu
102.	Dung dịch HNO ₃ khử canxi trong mô xương độ cứng cao	Dung dịch chứa các thành phần là a xít nitric và một số thành phần khác giúp hòa tan canxi có trong mô xương cứng, đặc, giúp làm mềm mô để xử lý được trên máy cắt mảnh. Ưu tiên có IVD.	1 lít/chai	Lít	40	12	Không yêu cầu
103.	Dung dịch EDTA khử canxi trong tủy xương	Dung dịch khử canxi được bào chế để khử canxi xương và duy trì tính kháng nguyên cho các nghiên cứu miễn dịch. Chất khử canxi EDTA không chứa axit để duy trì tính toàn vẹn của axit nucleic. Thành phần gồm: Water 88-92%; Ethylenediaminetetraacetic acid disodium salt dihydrate 8- 12%. Ưu tiên có IVD	1 lít/chai	Lít	20	6	Không yêu cầu

TT thứ	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
104.	Parafin (Nén hạt)	Dùng để vùi mẫu bệnh phẩm, cho xét nghiệm mô bệnh học, paraffin waxes and hydrocarbon waxes (78 - 80%), 2,6 ditert butyl p cresol (14-16%), microcrystalline (4-5%). Ưu tiên có IVD.	9kg/Hộp	kg	500	150	Không yêu cầu
105.	Cryomatric	Dạng gel, tỷ lệ nước 80-85%, cồn Polyvinyl 10-15%, Polyethylen glycol 2-5%, Potassium formate 1-3%. . Ưu tiên có IVD.	125m/lọ	Lọ	20	6	Không yêu cầu
106.	Cồn 95 ⁰ (can 5 lít)	Độ tinh khiết, độ cồn $\geq 95\%$. ISO 13485, ISO 9001. Ưu tiên có IVD.	5lít/can	Lít	1.800	540	Không yêu cầu
107.	Cồn y tế tuyệt đối	Dung dịch không màu - Nhiệt độ sôi: 78,5 độ C - Thành phần: + Ethyl alcoho: $\geq 89 - 91.4\%$ + Isopropyl alcohol: $\leq 5,5\%$ + Methyl alcohol: $\leq 4,5\%$ Ưu tiên có IVD.	5 lít/can	Lít	1.800	540	Không yêu cầu
108.	Cồn Ethanol	Ethanol absolut assay (độ tinh khiết) $\geq 99\%$ M 46, 07g/mol , 1 lít = 0,79 kg. Công thức hóa học: C ₂ H ₅ OH Hợp chất cacbonyl $\leq 0,003\%$ Aldehydes $\leq 0,001\%$ Độ pH: 6,0-7,0 Chai thủy tinh tối màu, tránh ánh sáng. Ưu tiên hàng có IVD	500ml/ chai	Chai	234	70	Không yêu cầu
109.	Cồn Methanol	Thành phần: CH ₃ OH Độ tinh khiết: 100% Đóng Chai thủy tinh tránh ánh sáng có nắp vặn Ưu tiên hàng có IVD	4 Lit/ Chai	Lít	390	117	Không yêu cầu
110.	Xylen	Tinh khiết, độ hòa tan cao đảm bảo quá trình tẩy sáp, làm sạch nhanh chóng và hoàn toàn.	3,8 lít/can	Can	100	30	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		- Tính chất vật lý: Dung dịch lỏng, không màu, mùi Hydrocarbon; Công thức phân tử: $C_6H_4(CH_3)_2$; Điểm sôi và Phạm vi sôi: 136-140 C; Điểm nóng chảy / Điểm đóng băng: -25 C; Điểm chớp cháy: 24 C; Tốc độ bay hơi: 0,8 (BuAc = 1); Độ nhớt: <0,9 mm ² / s; Áp suất hơi 882 Pa ở 25 °C; Nhiệt độ tự bốc cháy 432 C; - Thành phần gồm có: - Xylenes (o-, m-, p- isomers): 80-95% - Ethylbenzene: 5-20% - Yêu cầu có FDA.					
111	Axit axetic	Thành phần: CH ₃ -COOH Độ tinh khiết: 100% Đóng Chai thủy tinh tránh ánh sáng có nắp vặn Ưu tiên hàng có IVD	1 Lit/ Chai	Lít	290	87	Không yêu cầu
112	Dung dịch rửa quả lọc	Hydrogen Peroxide: 24 – 26,53% w/w Acetic Acid: 5 - 7,83% w/w Peracetic Acid: 4,6 - 5,00 w/w	5 lít/can	Lít	40	12	Không yêu cầu
113	Toluen	Công thức hóa học: C ₇ H ₈ Độ tinh khiết: ≥99,9% Dạng lỏng Hóa chất dùng trong kỹ thuật FISH trên tiêu bản u nền Ưu tiên hàng có IVD	500ml/ Chai	Chai	25	7	Không yêu cầu
114	Bộ nhuộm Diff quick	Bộ kit nhuộm nhanh tế bào, thành phần: 3 lọ mỗi lọ 500ml, lọ 1 cố định tế bào, lọ 2 nhuộm bào tương, lọ 3 nhuộm nhân.	3 lọ /hộp	hộp	4	1	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
115.	Bộ Iron stain kit	Bộ kit nhuộm nhanh tế bào, thành phần: 3 lọ, lọ 1 dung dịch Potassium Ferrocyanide 500 ml, lọ 2 dung dịch hydrochloric acid 500ml, lọ 3 dung dịch nuclear fast red 125ml. Đạt ISO 13485, ISO 9001.	3 lọ /hộp	hộp	2		Không yêu cầu
116.	Dầu soi kính (immersion oil)	- C ₁₄ H ₁₂ O ₂ 455g/l; - Refractive index (n 20/D) 1.515 - 1.517 - Density (d 20°C/ 4 °C) 1.0245 - 1.0265 - Fluorescence (as quinine at 365 nm) ≤ 1500 ppb - Viscosity (20 °C) 100 - 120 mPa.s Ưu tiên hàng có IVD	500ml/ chai	Chai	47	14	Không yêu cầu
117.	NaCl	Natri clorua NaCl, M=58,44g/mol	500G/ hộp	Hộp	1		Không yêu cầu
118.	Glycerol	Mật độ hơi 3.1 (so với không khí) áp suất hơi <1 mmHg (20 °C) Tinh sạch ≥99.5% Dạng chất lỏng nhớt nhiệt độ tự bốc cháy 698 °F giới hạn giải thích 2.6-11.3 % kỹ thuật điện di: phù hợp	500mL/ Chai	Chai	32	9	Không yêu cầu
119.	Nước cất vô trùng dùng ngoài - Loại can 5 lít	* Yêu cầu chung: Nước tinh khiết, nguyên chất, được điều chế bằng cách chưng cất, được phép sử dụng trong y tế * Cảm quan: nước trong suốt, không màu, không mùi, không vị, trong nước không có dị vật. * Tiêu chuẩn vi sinh: không có vi sinh vật * Quy cách: nước cất vô khuẩn đóng trong can nhựa theo quy trình vô khuẩn, nắp can được che kín vô khuẩn xuống đến miệng can, bên trong phủ nilon hoặc lá nhôm.	5 Lít/ Can	Lít	78.000	23.400	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
120.	Nước cất 2 lần	Nước trong can nhựa sạch, trắng trong. Độ pH trong khoảng 6-7. Nước tinh khiết, hoàn toàn không chứa các tạp chất hữu cơ hay vô cơ, được điều chế bằng cách chưng cất và thường được sử dụng trong y tế để pha chế. Đóng gói tối đa 5 lít/ can	5 lít/can	Lít	32.000	9.600	Không yêu cầu
121.	Đồng sulfat	Tiêu chuẩn được điển Việt Nam V, chuyên luận “Đồng sulfat” trang 366 hoặc tương đương	1kg/1 lọ	Lọ	5	1	Không yêu cầu
122.	Vaselin	Tiêu chuẩn được điển Việt Nam V, chuyên luận “Vaselin” trang 972 hoặc tương đương	Kg	Kg	20	6	Không yêu cầu
123.	Iod tinh thể	Tiêu chuẩn được điển Việt Nam V, chuyên luận “Iod” trang 514 hoặc tương đương	Kg	Kg	1		Không yêu cầu
124.	Kali Iodid	Tiêu chuẩn được điển Việt Nam V, chuyên luận “Kali iodid” trang 531 hoặc tương đương	Kg	Kg	5	1	Không yêu cầu
125.	Muối Solium Chride 99.5%	Độ tinh sạch $\geq 99,0\%$ dạng bột tạp chất $\leq 0,005\%$ chất không hòa tan pH 5,0-9,0 (25 ° C, 5% trong dung dịch)	500g/Hộp	Hộp	4,8	1	Không yêu cầu
126.	Hóa chất N-Acetyl-L-Cystein (NALC)	Sử dụng để xử lý mẫu, tan dorm cho thực hiện nuôi cấy vi sinh vật Tỉ trọng 1,48 g / cm ³ (20 ° C) Độ nóng chảy 110,4 ° C Ph 1,5 - 2,5 (100 g / l, H ₂ O, 20 ° C) Độ hòa tan 179,5 g / l	100g/hộp	Hộp	4,8	1	Không yêu cầu
127.	Màng lọc	Chất liệu: MCE (Mix Cellulose Ester). Màn đã được tiệt trùng. Đường kính màng: 47mm Lỗ lọc: 0,45um (0,45 micron). Dùng để lọc mẫu trong các phễu lọc vi sinh đường kính phi 47mm thông dụng Đây là màng lọc phổ biến với cỡ	150 cái/pack, 4 pack/hộp	Hộp	2,4		Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		lỗ thông dụng cho các ứng dụng lọc vi sinh phòng thí nghiệm, nghiên cứu, tương thích nhiều dung dịch.					
128.	Chất chuẩn xét nghiệm nước tiểu VMA/ HVA	Chuẩn cho xét nghiệm VMA/HVA/5-HIAA nước tiểu, 5 lọ đông khô, hoàn nguyên thể tích 5 ml	5 lọ x 5ml/ hộp	Hộp	10	3	Không yêu cầu
129.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hoá mức 3 CALIBRATION SERUM LEVEL 3 (CAL 3) CAL2351	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, chứa 38 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn sử dụng khi bảo quản ở 2°C - 8°C. Sau khi hoàn nguyên mẫu ổn định trong vòng 7 ngày ở 2°C - 8°C hoặc 28 ngày ở - 20°C	20x5ml/ Hộp	hộp	2		Không yêu cầu
130.	Thuốc thử định lượng đồng (Cu)	Thuốc thử định lượng đồng gồm R1a 105 mL/Hộp (đệm acetate 0,2 mol/L, pH 4,7 và chất ổn định), R2 30 mL/Hộp 9 đệm acetat và complexant 3,5-Di-Br-PAESA), R1b (ascorbic acid) và chất chuẩn	5x20ml/ hộp	hộp	7	2	Không yêu cầu
131.	Bộ xét nghiệm định lượng NH3	Thuốc thử định lượng nồng độ Amonia trong plasma, máu toàn phần. Khoảng định lượng: 3-400µg/ 100mL. Tương thích với dòng máy phân tích hóa sinh tự động	(60 ml R1+18 ml R2)/ Bộ	Bộ	355	106	Không yêu cầu
132.	Hóa chất xét nghiệm định lượng G6PDH	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn dùng để xác định nồng độ chất xúc tác Glucose-6-phosphate dehydrogenase (G6PDH) trong máu người để đánh giá sự mất cân bằng của G6PDH. Thành phần: Thuốc thử A (4 x 60 mL) chứa: Saponin 0,6%. Thuốc thử B (1 x 60 mL), chứa: Dung dịch đệm Tris 0,1 mmol/L, NADP 1 mmol/L, maleimide 3 mmol/L, pH 7,4. Thuốc thử C (1 x 15 mL) chứa: Dung dịch đệm Tris 0,1 mmol/L, glucose-6-phosphate 3 mmol/L, pH 7,5. Chất hiệu chuẩn S (G6PDH Standard): 1 lọ bột đông khô, thể tích sau	(4x60mL + 1x60mL + 1x15mL + 1x1mL)/ Hộp	Hộp	100	30	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		hoàn nguyên: 1mL. Lọ chất hiệu chuẩn chứa: Tris 20 mmol/L, Glucose-6-phosphate dehydrogenase (G6PDH). Phương pháp đo quang. Dải đo: 133 - 4000 (U/L)					
133.	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng G6PDH	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng G6PDH. Thành phần: Lọ chứa huyết thanh đông khô có nồng độ G6PDH thích hợp để làm vật liệu kiểm soát trong các quy trình đo.	2x0,5mL/ hộp	Hộp	25	7	Không yêu cầu
134.	Chương trình ngoại kiểm huyết thanh học Viêm gan A + B + C + E	Thể tích mẫu ≥ 2 ml Dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ (2°C-8°C) Thông số phân tích: 11 thông số (HBsAg, Anti HBs, HBeAg, Anti HBe, Anti HBc, HBc IgM, Anti HAV, HAV IgM, Anti HCV, HEV IgG, HEV IgM) Quy cách đóng gói: 11 thông số/ đọt Tần suất phân tích kết quả : 1 tháng/ lần Tần suất phân phối: tối thiểu 2 lần/ năm Đạt tiêu chuẩn ISO	Đọt	Đọt	24	7	Không yêu cầu
135.	Chương trình ngoại kiểm huyết thanh học Ký sinh trùng	Thể tích mẫu ≥ 1 ml Dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ (2°C-8°C) Thông số phân tích: tối thiểu có các marker giun và sán Tần suất phân tích kết quả : tối thiểu 3 tháng/ đọt Tần suất phân phối: tối thiểu 4 lần/ năm Đạt tiêu chuẩn ISO	Đọt	Đọt	8	2	Không yêu cầu
136.	Chương trình ngoại kiểm nhuộm soi phát hiện vi khuẩn	Tiêu bản đẹp, không xước, rách Tần suất phân tích kết quả : tối thiểu 3 tháng/ đọt Tần suất phân phối: tối thiểu 4 lần/ năm Đạt tiêu chuẩn ISO	Đọt	Đọt	8	2	Không yêu cầu
137.	Chương trình ngoại kiểm soi tươi tìm Ký sinh trùng đường ruột	Thể tích mẫu > 1 ml Tần suất phân tích kết quả : tối thiểu 3 tháng/ đọt Tần suất phân phối: tối thiểu 4 lần/ năm Đạt tiêu chuẩn ISO	Đọt	Đọt	8	2	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
138.	Chương trình ngoại kiểm soi tươi tim Nấm	Thể tích mẫu > 1ml Tần suất phân tích kết quả: tối thiểu 3 tháng/ đợt Tần suất phân phối: tối thiểu 4 lần/ năm Đạt tiêu chuẩn ISO	Đợt	Đợt	8	2	Không yêu cầu
139.	Chương trình ngoại kiểm Dengue	Thể tích mẫu ≥ 2 ml Dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ (2°C-8°C) Thông số phân tích: 3 thông số (Dengue NS1 Ag, Dengue IgG, Dengue IgM) Quy cách đóng gói: 3 thông số/ đợt Tần suất phân tích kết quả: 6 tháng/ lần Tần suất phân phối: 2 lần/ năm	Đợt	Đợt	4	1	Không yêu cầu
140.	Chương trình ngoại kiểm nuôi cấy, định danh vi sinh vật	Mẫu chứa vi sinh vật đông khô, bảo quản ở nhiệt độ từ 15°C đến 30°C Đa dạng vi sinh vật và đa dạng các loại bệnh phẩm Quy cách đóng gói: 3 mẫu/ đợt, đóng gói, bảo quản, vận chuyển tuân thủ theo IATA Tần suất phân tích kết quả : 1 tháng/ lần Tần suất phân phối: 12 lần/ năm Đạt tiêu chuẩn ISO	Đợt	Đợt	24	7	Không yêu cầu
141.	Ngoại kiểm online nhiễm sắc thể sau sinh (Postnatal karyotyping)	Ngoại kiểm online nhiễm sắc thể sau sinh. Xác định bất thường về số lượng và cấu trúc của nhiễm sắc thể thường và nhiễm sắc thể giới tính.	2 mẫu/ hộp	Hộp	2		Không yêu cầu
142.	Ngoại kiểm kỹ thuật FISH (Microdeletion Syndromes)	Ngoại kiểm các bất thường cấu trúc dạng mất đoạn NST chẩn đoán hội chứng Prader Willi/Angelman; Williams; DiGeorge	2 mẫu/ hộp	Hộp	2		Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
143	Ngoại kiểm các đột biến ở gen SMN1 (SMA)	Ngoại kiểm các đột biến ở gen SMN1, đánh giá kiểu gen, giải thích sinh học và lâm sàng	3 mẫu/ hộp	Hộp	2		Không yêu cầu
144	Bộ kit ngoại kiểm phân tích các biến thể đột biến gen α -thalassemia (HBA1/HBA2) và/hoặc gen β -thalassemia (HBB)	Bộ kit ngoại kiểm phân tích các biến thể gen đột biến α -thalassemia (HBA1/HBA2) và/hoặc gen β -thalassemia (HBB) đánh giá kiểu gen, giải thích sinh học và lâm sàng	2 mẫu/ hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu
145.	Chương trình ngoại kiểm di truyền phân tử rối loạn dưỡng cơ	Ngoại kiểm di truyền phân tử phát hiện rối loạn dưỡng cơ Duchenne / Becker (DMD / BMD) và các biến thể của gen Dystrophin.	3 ống/ hộp	Hộp	2		Không yêu cầu
146.	Chương trình ngoại kiểm di truyền phân tử mất đoạn 15q11	Ngoại kiểm di truyền phân tử phát hiện hội chứng Prader Willi / Angelman mất đoạn 15q11.	3 ống/ hộp	Hộp	2		Không yêu cầu
147.	Chương trình ngoại kiểm di truyền rối loạn chuyển hóa đồng	Ngoại kiểm di truyền phân tử phát hiện các biến thể gen ATP7B gây rối loạn chuyển hóa đồng	3 ống/ hộp	Hộp	2		Không yêu cầu
148.	Chương trình ngoại kiểm di truyền phân tử tăng sản thượng thận bẩm sinh	Ngoại kiểm di truyền phân tử phát hiện tăng sản thượng thận bẩm sinh các biến thể gen CYP21A2	2 ống/ hộp	Hộp	2		Không yêu cầu
149.	Chương trình ngoại kiểm giải trình tự gen SANGER	Ngoại kiểm phương pháp giải trình tự gen SANGER cặp mỗi N13	7 ống/ hộp	Hộp	2		Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
150.	Ngoại kiểm theo dõi thể khảm sau ghép tế bào gốc	Ngoại kiểm theo dõi thể khảm sau ghép tế bào gốc	4 ống/ hộp	Hộp	10	3	Không yêu cầu
151.	Ngoại kiểm kỹ thuật FISH từ tế bào tủy xương	Xác định bất thường số lượng, cấu trúc nhiễm sắc thể từ tế bào tủy xương trong các bệnh lý huyết học ác tính (Haematological Technical FISH)	1 ống/ hộp	Hộp	2		Không yêu cầu
152.	Bộ kit ngoại kiểm nhiễm sắc thể trước sinh (Prenatal karyotyping)	Ngoại kiểm online thể dị bội và sự sắp xếp lại cấu trúc của nhiễm sắc thể trước sinh	3 mẫu/ hộp	Hộp	2		Không yêu cầu
153.	Bộ ngoại kiểm tư vấn di truyền đơn gen (Monogenic Disorders)	Ngoại kiểm online rối loạn đơn gen, phân tích lâm sàng, tư vấn di truyền dựa trên tiền sử gia đình và kết quả xét nghiệm.	1 mẫu/ hộp	Hộp	2		Không yêu cầu
154.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Huyết học/RIQAS Monthly Haematology Programme	Máu toàn phần, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích máu: hàng tháng. Thông số phân tích: 11 thông số.	3x2ml/ hộp	Hộp	25	7	Không yêu cầu
155.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm đông máu rút gọn/ RIQAS Coagulation	Dạng đông khô. Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 5 thông số.	6x1ml/ hộp	Hộp	16	4	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Programme (5 analytes)						
156.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm đông máu toàn phần/ RIQAS Coagulation Programme (17 analytes)	Dạng đông khô. Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 17 thông số.	6x1ml/ hộp	Hộp	6	1	Không yêu cầu
157.	Ngoại kiểm máu lắng ESR PROGRAME	Máu toàn phần. Tần suất phân tích mẫu hàng tháng.	1 Bộ mẫu/ hộp	Hộp	20	6	Không yêu cầu
158.	Abnormal Haemoglobins AH surveys	Ngoại kiểm huyết sắc tố bất thường. Định danh biến thể Hb. Định lượng HbA2, HbF, HbS % Hb tổng. Bảo quản 2-8 độ C	3 ống mẫu/ hộp	Hộp	10	3	Không yêu cầu
159.	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số dấu ấn tim mạch	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 1 - Thành phần: huyết thanh người, dạng dung dịch - Có giá trị tham chiếu cho BNP, NT-proBNP và hs-CRP - Độ ổn định sau khi mở lọ 20 ngày ở 2-8°C đối với hầu hết các chất phân tích	Hộp (6 lọ x 3 ml)	Hộp	26	7	Không yêu cầu
160.	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số dấu ấn tim mạch	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 2 - Thành phần: huyết thanh người, dạng dung dịch - Có giá trị tham chiếu cho BNP, NT-proBNP và hs-CRP - Độ ổn định sau khi mở lọ 20 ngày ở 2-8°C đối với hầu hết các chất phân tích	Hộp (6 lọ x 3 ml)	Hộp	26	7	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
161.	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số dấu ấn tim mạch	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 3 - Thành phần: huyết thanh người, dạng dung dịch - Có giá trị tham chiếu cho BNP, NT-proBNP và hs-CRP - Độ ổn định sau khi mở lọ 20 ngày ở 2-8°C đối với hầu hết các chất phân tích	Hộp (6 lọ x 3 ml)	Hộp	26	7	Không yêu cầu
162.	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch đặc hiệu, mức nồng độ 1 - Dùng cho xét nghiệm miễn dịch chuyên dụng hỗ trợ phòng mổ / phòng cấp cứu, bệnh viện, phòng khám - Thành phần: huyết thanh người, dạng lỏng - Bao gồm các thông số: 25-Hydroxy Vitamin D, Anti- Thyroglobulin (Anti-Tg), Anti-Thyroperoxidase (Anti- TPO), C-Peptide, Erythropoietin (EPO), Insulin Growth Factor I (IGF-I), Intact PTH, Osteocalcin - Độ ổn định sau khi mở nắp là 30 ngày khi bảo quản ở 2- 8°C đối với hầu hết các chất phân tích	Hộp (6 lọ x 5 ml)	Hộp	25	7	Không yêu cầu
163.	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch đặc hiệu, mức nồng độ 2 - Dùng cho xét nghiệm miễn dịch chuyên dụng hỗ trợ phòng mổ / phòng cấp cứu, bệnh viện, phòng khám - Thành phần: huyết thanh người, dạng lỏng - Bao gồm các thông số: 25-Hydroxy Vitamin D, Anti- Thyroglobulin (Anti-Tg), Anti-Thyroperoxidase (Anti- TPO), C-Peptide, Erythropoietin (EPO), Insulin Growth Factor I (IGF-I), Intact PTH, Osteocalcin - Độ ổn định sau khi mở nắp là 30 ngày khi bảo quản ở 2- 8°C đối với hầu hết các chất phân tích	Hộp (6 lọ x 5 ml)	Hộp	25	7	Không yêu cầu
164.	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch đặc hiệu, mức nồng độ 3	Hộp (6 lọ x 5 ml)	Hộp	25	7	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	định lượng các thông số miễn dịch	- Dùng cho xét nghiệm miễn dịch chuyên dụng hỗ trợ phòng mô / phòng cấp cứu, bệnh viện, phòng khám - Thành phần: huyết thanh người, dạng lỏng - Bao gồm các thông số: 25-Hydroxy Vitamin D, Anti- Thyroglobulin (Anti-Tg), Anti-Thyropoxidase (Anti- TPO), C-Peptide, Erythropoietin (EPO), Insulin Growth Factor I (IGF-I), Intact PTH, Osteocalcin - Độ ổn định sau khi mở nắp là 30 ngày khi bảo quản ở 2- 8°C đối với hầu hết các chất phân tích					
165.	Vật liệu kiểm soát 3 mức nồng độ xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, 3 mức nồng độ - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Bao gồm hơn 70 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến. Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến - Sau khi hoàn nguyên có thể ổn định trong 7 ngày khi bảo quản ở 2-8°C với hầu hết các chất phân tích	Hộp (12 lọ x 5 ml)	Hộp	50	15	Không yêu cầu
166.	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 1 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Bao gồm hơn 70 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến. Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến - Sau khi hoàn nguyên có thể ổn định trong 7 ngày khi bảo quản ở 2-8°C với hầu hết các chất phân tích	Hộp (12 lọ x 5 ml)	Hộp	50	15	Không yêu cầu
167.	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 2 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Bao gồm hơn 70 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến. Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân	Hộp (12 lọ x 5 ml)	Hộp	50	15	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		tích tự động phổ biến - Sau khi hoàn nguyên có thể ổn định trong 7 ngày khi bảo quản ở 2-8°C với hầu hết các chất phân tích					
168.	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 3 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Bao gồm hơn 70 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến. Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến - Sau khi hoàn nguyên có thể ổn định trong 7 ngày khi bảo quản ở 2-8°C với hầu hết các chất phân tích	Hộp (12 lọ x 5 ml)	Hộp	50	15	Không yêu cầu
169.	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số hóa sinh nước tiểu	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm hóa sinh nước tiểu, mức nồng độ 1 - Thành phần: Nước tiểu người, dạng lỏng - Có giá trị tham chiếu cho xét nghiệm nước tiểu thông thường trên máy phân tích sinh hóa và một số phương pháp thủ công - Có thể theo dõi các thông số hCG, Amylase và Creatinine - Độ ổn định khi mở nắp là 30 ngày khi bảo quản ở 2-8°C	Hộp (12 lọ x 10 ml)	Hộp	15	4	Không yêu cầu
170.	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số hóa sinh nước tiểu	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm hóa sinh nước tiểu, mức nồng độ 2 - Thành phần: Nước tiểu người, dạng lỏng - Có giá trị tham chiếu cho xét nghiệm nước tiểu thông thường trên máy phân tích sinh hóa và một số phương pháp thủ công - Có thể theo dõi các thông số hCG, Amylase và Creatinine - Độ ổn định khi mở nắp là 30 ngày khi bảo quản ở 2-8°C	Hộp (12 lọ x 10 ml)	Hộp	15	4	Không yêu cầu
171.	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 1 - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng	Hộp (12 lọ x 12 ml)	Hộp	15	4	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	bán định lượng các thông số nước tiểu	- Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi - Ổn định 30 ngày sau khi mở nắp tại 2-25°C					
172.	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm bán định lượng các thông số nước tiểu	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 2 - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng - Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi - Ổn định 30 ngày sau khi mở nắp tại 2-25°C	Hộp (12 lọ x 12 ml)	Hộp	15	4	Không yêu cầu
173.	Vật liệu kiểm soát 3 mức nồng độ xét nghiệm các thông số theo dõi nồng độ thuốc trong máu	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm theo dõi nồng độ thuốc trong máu, 3 mức nồng độ - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Có nhiều thông số xét nghiệm giám sát điều trị thông qua theo dõi nồng độ thuốc trong máu. - Chứa hơn 40 chất phân tích bao gồm các xét nghiệm để theo dõi chức năng tuyến giáp. - Độ ổn định sau khi hoàn nguyên là 30 ngày ở 2-8°C đối với hầu hết các chất phân tích.	Hộp (12 lọ x 5 ml)	Hộp	20	6	Không yêu cầu
174.	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng Ethanol và Ammonia	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm Ethanol/ Ammoniac, mức nồng độ 1 - Thành phần: Huyết thanh bò, dạng lỏng - Có thông số xét nghiệm Ethanol và Amoniac trong khoảng giá trị có ý nghĩa lâm sàng. - Độ ổn định sau khi mở nắp là 20 ngày khi bảo quản tại 2- 8°C.	Hộp (6 lọ x 3 ml)	Hộp	30	9	Không yêu cầu
175.	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng Ethanol và Ammonia	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm Ethanol/ Ammoniac, mức nồng độ 2 - Thành phần: Huyết thanh bò, dạng lỏng - Có thông số xét nghiệm Ethanol và Amoniac trong khoảng giá trị có ý nghĩa lâm sàng.	Hộp (6 lọ x 3 ml)	Hộp	30	9	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		- Độ ổn định sau khi mở nắp là 20 ngày khi bảo quản tại 2-8°C.					
176.	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng Ethanol và Ammonia	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm Ethanol/ Ammoniac, mức nồng độ 3 - Thành phần: Huyết thanh bò, dạng lỏng - Có thông số xét nghiệm Ethanol và Amoniac trong khoảng giá trị có ý nghĩa lâm sàng. - Độ ổn định sau khi mở nắp là 20 ngày khi bảo quản tại 2-8°C.	Hộp (6 lọ x 3 ml)	Hộp	30	9	Không yêu cầu
177.	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch học, mức nồng độ 1 - Thành phần: Huyết thanh người, dạng lỏng. - Có các giá trị tham chiếu cho hầu hết xét nghiệm miễn dịch chính - Chứa hơn 30 loại protein và chất phân tích trong huyết thanh, bao gồm cả xét nghiệm kháng thể kháng CCP (Cyclic Citrullinated Peptide) và Rheumatoid Factor. Độ ổn định sau khi mở lọ là 30 ngày khi bảo quản ở 2-8°C đối với hầu hết các chất phân tích	Hộp (6 lọ x 3 ml)	Hộp	60	18	Không yêu cầu
178.	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch học, mức nồng độ 2 - Thành phần: Huyết thanh người, dạng lỏng. - Có các giá trị tham chiếu cho hầu hết xét nghiệm miễn dịch chính - Chứa hơn 30 loại protein và chất phân tích trong huyết thanh, bao gồm cả xét nghiệm kháng thể kháng CCP (Cyclic Citrullinated Peptide) và Rheumatoid Factor Độ ổn định sau khi mở lọ là 30 ngày khi bảo quản ở 2-8°C đối với hầu hết các chất phân tích	Hộp (6 lọ x 3 ml)	Hộp	60	18	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
179.	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch học, mức nồng độ 3 - Thành phần: Huyết thanh người, dạng lỏng. - Có các giá trị tham chiếu cho hầu hết xét nghiệm miễn dịch chính - Chứa hơn 30 loại protein và chất phân tích trong huyết thanh, bao gồm cả xét nghiệm kháng thể kháng CCP (Cyclic Citrullinated Peptide) và Rheumatoid Factor Độ ổn định sau khi mở lọ là 30 ngày khi bảo quản ở 2-8°C đối với hầu hết các chất phân tích	Hộp (6 lọ x 3 ml)	Hộp	60	18	Không yêu cầu
180.	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số hóa sinh	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm hóa sinh thường quy, mức nồng độ 1 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Bao gồm 83 thông số cho xét nghiệm hóa sinh, trong đó có thông số LDL. Thông số xét nghiệm enzym và CO2 có tính ổn định cao - Không cần dung dịch đặc biệt để hoàn nguyên - Sau khi hoàn nguyên có thể ổn định trong 30 ngày ở nhiệt độ đông lạnh và 7 ngày ở 2-8°C với hầu hết các chất phân tích	Hộp (12 lọ x 5 ml)	Hộp	68	20	Không yêu cầu
181.	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số hóa sinh	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm hóa sinh thường quy, mức nồng độ 2 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Bao gồm 83 thông số cho xét nghiệm hóa sinh, trong đó có thông số LDL. Thông số xét nghiệm enzym và CO2 có tính ổn định cao - Không cần dung dịch đặc biệt để hoàn nguyên - Sau khi hoàn nguyên có thể ổn định trong 30 ngày ở nhiệt độ đông lạnh và 7 ngày ở 2-8°C với hầu hết các chất phân tích	Hộp (12 lọ x 5 ml)	Hộp	68	20	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
182.	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 10 thông số xét nghiệm khí máu nồng độ thấp	Dạng lỏng sử dụng ngay, chứa 10 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn tại 2- 8°C. pH và các thông số khí máu nên được phân tích ngay sau khi mở; các thông số điện giải nên được phân tích trong vòng 1 giờ sau khi mở	30x1.8ml/ hộp	Hộp	150	45	Không yêu cầu
183.	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 10 thông số xét nghiệm khí máu nồng độ trung bình	Dạng lỏng sử dụng ngay, chứa 10 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn tại 2- 8°C. pH và các thông số khí máu nên được phân tích ngay sau khi mở; các thông số điện giải nên được phân tích trong vòng 1 giờ sau khi mở	30x1.8ml/ hộp	Hộp	150	45	Không yêu cầu
184.	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 10 thông số xét nghiệm khí máu nồng độ cao	Dạng lỏng sử dụng ngay, chứa 10 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn tại 2- 8°C. pH và các thông số khí máu nên được phân tích ngay sau khi mở; các thông số điện giải nên được phân tích trong vòng 1 giờ sau khi mở	30x1.8ml/ hộp	Hộp	150	45	Không yêu cầu
185.	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy Nội kiểm cho ba xét nghiệm định lượng thuốc (mới) Gentamicin, Tobramycin, Amikacin	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 1 - Nhiều thông số cho xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến - Thành phần: huyết thanh người, dạng lỏng - Tự động chạy nội kiểm theo cài đặt - Độ ổn định sau khi mở lọ là 10 ngày khi bảo quản ở 2°C đến 8°C	Hộp (12 lọ x 4 ml)	Hộp	10	3	Không yêu cầu
186.	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 2 - Nhiều thông số cho xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ	Hộp (12 lọ x 4 ml)	Hộp	10	3	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	thông số miễn dịch thường quy Nội kiểm cho ba xét nghiệm định lượng thuốc (mới) Gentamicin, Tobramycin, Amikacin	biến - Thành phần: huyết thanh người, dạng lỏng - Tự động chạy nội kiểm theo cài đặt - Độ ổn định sau khi mở lọ là 10 ngày khi bảo quản ở 2°C đến 8°C					
187.	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy Nội kiểm cho ba xét nghiệm định lượng thuốc (mới) Gentamicin, Tobramycin, Amikacin	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 3 - Nhiều thông số cho xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến - Thành phần: huyết thanh người, dạng lỏng - Tự động chạy nội kiểm theo cài đặt - Độ ổn định sau khi mở lọ là 10 ngày khi bảo quản ở 2°C đến 8°C	Hộp (12 lọ x 4 ml)	hộp	10	3	Không yêu cầu
188.	Vật liệu nội kiểm xét nghiệm định lượng kim loại nặng trong nước tiểu, dạng đông khô, mức 1, 2	Hóa chất đông khô. Nền mẫu nước tiểu Chất phân tích: Al, Sb, As, Ba, Be, Cd, Cr, Co, Cu, Fl, Au, I, Fe, Pb, Mg, Mn, Hg, Pb, Mo, Ni, Pd, Pt, Se, Tl, V,	(2x 5x 10 mL)/ Hộp	hộp	10	3	Không yêu cầu
189.	Vật liệu nội kiểm xét nghiệm định lượng kim loại nặng trong huyết	Hóa chất đông khô Nền mẫu huyết thanh Chất phân tích: Ag, Al, As, Au, Ba, Be, Bi, Cd, Co, Cr, Cu, Fe, F, Hg, Iodide, Li, Mg, Mn, Mo, Ni, Pd, Pt, Sb, Se, Sn, Ti, Tl, Va, Zn	(2x 5x 3 mL)/ Hộp	hộp	50	15	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	thanh, dạng đông khô, mức 1, 2						
190.	Vật liệu nội kiểm xét nghiệm định lượng kim loại nặng trong máu toàn phần, dạng đông khô, mức 1, 2, 3	Hoá chất đông khô. Nền mẫu máu toàn phần. Chất phân tích: Sb, As, Cd, Ca, Cr, Co, Cu, I, Fe, Pv, Mg, Mn, Hg, Mo, Ni, Pd, P, Pt, K, Se, Ag, Na, Tl, Sn, Zn	(3x 3x 5 mL)/ Hộp	hộp	10	3	Không yêu cầu
191.	Vật liệu nội kiểm xét nghiệm định lượng amin sinh học trong nước tiểu, dạng đông khô, mức 1,2	Hoá chất đông khô. Nền mẫu nước tiểu Amin sinh học Chất phân tích: Dopamin, norepinephrine, epinephrine, Vanillylmandelic Acid (VMA), Homovanillic Acid (HVA), 5-Hydroxyindoleacetic Acid (5-HIAA), Normetanephrine, Metanephrine, 3-Methoxytyramine, Serotonin, Hydroxyproline	(2x5x8 ml)/ Hộp	Hộp	12	3	Không yêu cầu
192.	Vật liệu nội kiểm xét nghiệm định lượng acid amin trong huyết tương, dạng đông khô, mức 1,2	Hóa chất đông khô Nền mẫu huyết tương Chất phân tích: Alanine, α -aminobutyric acid, arginine, asparagine, aspartic acid, citrulline, glutamic acid, glutamine, glycine, histidine, hydroxyproline, isoleucine, allo-isoleucine, leucine, lysine, methionine, 1-methyl- histidine, 3-methyl-histidine, ornithine, phenylalanine, proline, serine, taurine, threonine, tryptophane, tyrosine, urea, valine	(2x 5x 3 mL)/ Hộp	hộp	10	3	Không yêu cầu
193.	Vật liệu nội kiểm xét nghiệm định lượng thuốc ức chế miễn dịch trong	Hoá chất đông khô. Nền mẫu máu toàn phần.	(3x2x2ml)/Hộp	Hộp	40	12	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	máu toàn phần, dạng đông khô, mức 1,2, 3	Chất phân tích: Cyclosporine A, Tacrolimus, Sirolimus, Everolimus					
194.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Nước tiểu người trên máy sinh hóa	Dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2°C - 8 °C). Tần suất phân tích mẫu: 02 tuần một lần. Thông số phân tích: 25 thông số	24 x 10ml/ Hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu
195.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Hóa sinh	Dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 56 thông số	6x5 ml/ Hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu
196.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm HbA1c	Dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 2 thông số	6x0,5 ml/ Hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu
197.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch	Dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 49 thông số chính thức và 2 thông số thử nghiệm	6x5 ml/ Hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu
198.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Khí máu	Dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 11 thông số.	6x1,8 ml/ Hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu
199.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Nước tiểu	Dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: 02 tháng một lần. Thông số phân tích: 14 thông số.	3x12 ml/ Hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
200.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch đặc biệt 1	Dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 9 thông số chính thức và 1 thông số thử nghiệm	6x2ml/ Hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu
201.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Thuốc ức chế miễn dịch	Dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 4 thông số.	6x2 ml/ Hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu
202.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Ammonia/Ethanol	Dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hoá chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 2 thông số	6x2 ml/ Hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu
203.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti TSH Receptor	Dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 1 thông số.	6x1 ml/ Hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu
204.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Protein đặc biệt hàng tháng	Dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: Hàng tháng. Thông số phân tích: 26 thông số	6x1 ml/ Hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu
205.	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Tim mạch	Dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 11 thông số	6x3 ml/ Hộp	Hộp	4	1	Không yêu cầu
205.	Ngoại kiểm acid hữu cơ niệu của ERNDIM (Qualitative urine	6 lọ, mỗi lọ 2-3 mL nước tiểu người đã được xử lý	Chương trình	Chương trình	2		Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	organic acid program)						
207.	Ngoại kiểm acid amin của ERNDIM (Quantitative amino acid program)	8 lọ, mỗi lọ 1ml huyết thanh người đông khô.	Chương trình	Chương trình	2		Không yêu cầu
208.	Ngoại kiểm kháng thể tự miễn trong đái tháo đường	12 lọ/ chương trình, 6 lần gửi mẫu, mỗi lần gửi 2 lọ dịch dạng lỏng	Chương trình	Chương trình	2		Không yêu cầu
209.	Ngoại kiểm kháng thể kháng nhân và kháng nguyên liên quan	12 lọ/ chương trình, 6 lần gửi mẫu, mỗi lần gửi 2 lọ dịch dạng lỏng	Chương trình	chương trình	2		Không yêu cầu
210.	Ngoại kiểm steroid niệu quốc tế	12 lọ/ chương trình, mỗi lọ chứa nước tiểu người đã được xử lý dạng đông khô	Chương trình	Chương trình	2		Không yêu cầu

